ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Thông báo số 69/2020/TB-LPQT ngày 22 tháng 12 năm 2020 về việc điều ước quốc tế có hiệu lực: "Nghị định thư phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Cam-pu-chia"

(Tiếp theo Công báo số 171 + 172)

BỘ NGOẠI GIAO
ỦY BAN BIÊN GIỚI QUỐC GIA

NGHỊ ĐỊNH THƯ
PHÂN GIỚI CẮM MỐC BIÊN GIỚI TRÊN ĐẤT LIỀN GIỮA NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA

Tập 3: Phụ lục 2 đính kèm Nghị định thư
(Bảng đăng ký mốc giới, từ mốc số 60/9 đến mốc số 79 thuộc tỉnh Bình Phước)

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 72/1(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 72/1(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 72/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 72/1(2) và cột mốc số 72/1(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 7,56m.	1323806,26 666643,51	11 58 15,524 106 31 49,755	88,45 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			87,25

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 72 đến cột mốc số 72/1(2) là 353°40'23,786", khoảng cách là 234,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 72/1(1) đến cột mốc số 72/1(2) là 287°56'22,894", khoảng cách là 15,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 72/1(2) đến cột mốc số 73(1) là 12°57'48,659", khoảng cách là 417,02m.	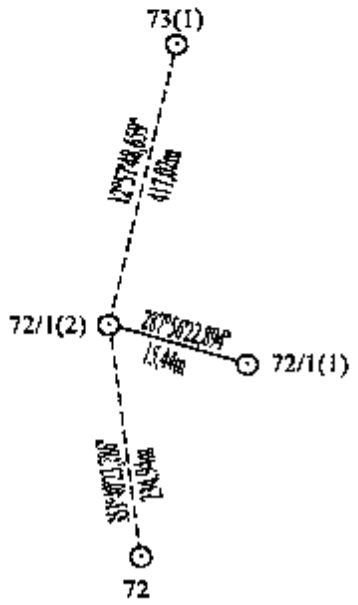

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 12 năm 2011

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 9,36m. Khoảng cách từ cột mốc số 73(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73(2) là 8,34m. Khoảng cách từ cột mốc số 73(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73(3) là 8,85m.	1324212,65 666737,06	11 58 28,732 106 31 52,922	86,23 (2,50) Độ cao mặt đất (m) 83,73

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 72/1(2) đến cột mốc số 73(1) là 12°57'48,659", khoảng cách là 417,02m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(1) đến cột mốc số 73(2) là 69°45'18,975", khoảng cách là 25,63m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(1) đến cột mốc số 73(3) là 143°53'34,179", khoảng cách là 19,53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(2) đến cột mốc số 73(3) là 206°57'48,409", khoảng cách là 27,66m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(1) đến cột mốc số 73/1(1) là 300°55'25,243", khoảng cách là 527,13m.	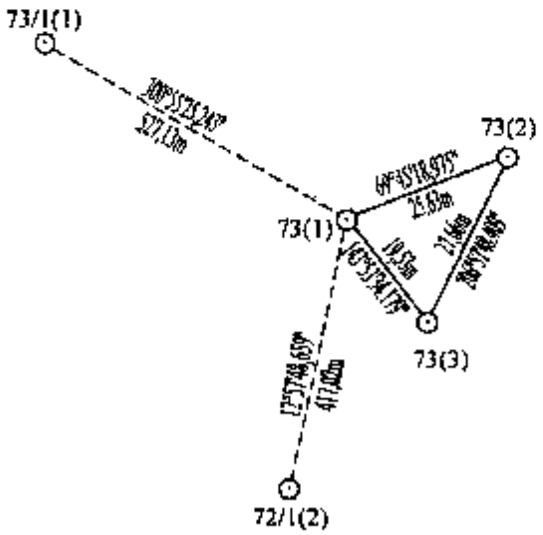

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 12 năm 2011

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 17,23m. Khoảng cách từ cột mốc số 73(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73(1) là 17,29m.	1324221,52 666761,11	11 58 29,017 106 31 53,718	88,00 (2,50) Độ cao mặt đất (m) 85,50

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 72/1(2) đến cột mốc số 73(2) là 15°48'42,889", khoảng cách là 431,59m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(1) đến cột mốc số 73(2) là 69°45'18,975", khoảng cách là 25,63m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(1) đến cột mốc số 73(3) là 143°53'34,179", khoảng cách là 19,53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(2) đến cột mốc số 73(3) là 206°57'48,409", khoảng cách là 27,66m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(2) đến cột mốc số 73/1(1) là 298°49'06,288", khoảng cách là 543,57m.	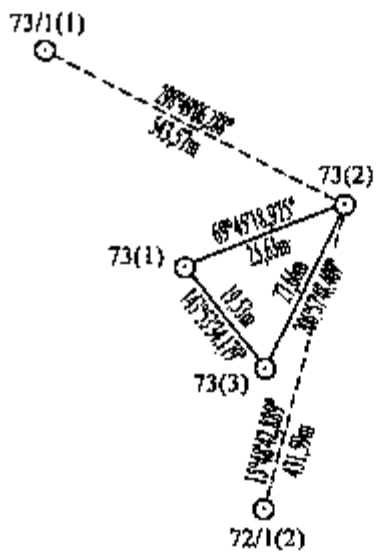

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 05 tháng 12 năm 2011	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73(3) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 15,79m. Khoảng cách từ cột mốc số 73(3) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 73(1) là 10,68m.	1324196,87 666748,57	11 58 28,217 106 31 53,299	86,48 (2,50) Độ cao mặt đất (m) 83,98
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 72/1(2) đến cột mốc số 73(3) là 15°03'15,234", khoảng cách là 404,49m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(1) đến cột mốc số 73(2) là 69°45'18,975", khoảng cách là 25,63m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(1) đến cột mốc số 73(3) là 143°53'34,179", khoảng cách là 19,53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(2) đến cột mốc số 73(3) là 206°57'48,409", khoảng cách là 27,66m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(3) đến cột mốc số 73/1(1) là 301°43'29,125", khoảng cách là 545,17m.	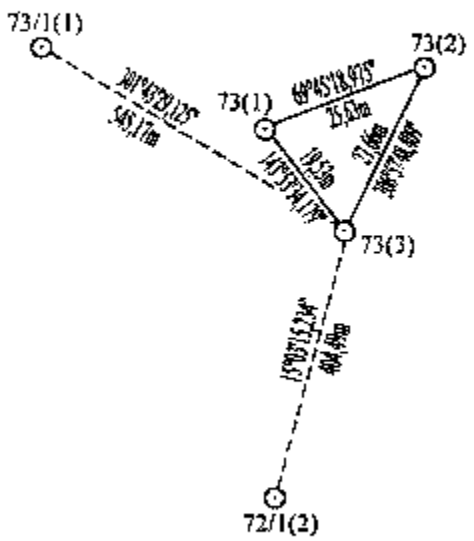		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/1(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 16 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/1(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/1(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/1(1) và cột mốc số 73/1(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 20,44m.	1324483,54 666284,86	11 58 37,631 106 31 38,024	82,54 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			81,34
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(3) đến cột mốc số 73/1(1) là 301°43'29,125", khoảng cách là 545,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/1(1) đến cột mốc số 73/1(2) là 212°42'15,782", khoảng cách là 43,53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/1(1) đến cột mốc số 73/2(1) là 298°29'40,736", khoảng cách là 697,69m.	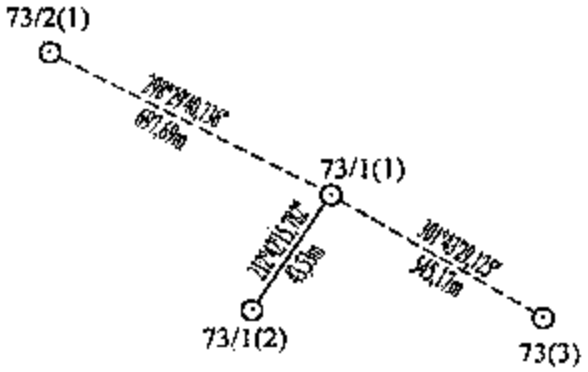		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/1(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 10 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/1(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/1(2) và cột mốc số 73/1(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 23,09m.	1324446,91 666261,34	11 58 36,443 106 31 37,240	83,43 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 82,23
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73(3) đến cột mốc số 73/1(2) là 297°09'58,664", khoảng cách là 547,64m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/1(1) đến cột mốc số 73/1(2) là 212°42'15,782", khoảng cách là 43,53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/1(2) đến cột mốc số 73/2(1) là 302°04'17,863", khoảng cách là 695,85m.	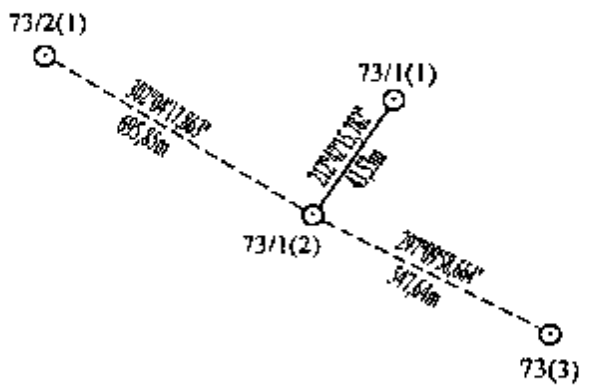		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/2(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/2(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/2(1) và cột mốc số 73/2(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 12,45m.	1324816,39 665671,69	11 58 48,574 106 31 17,815	78,30 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			77,10
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/1(2) đến cột mốc số 73/2(1) là 302°04'17,863", khoảng cách là 695,85m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/2(1) đến cột mốc số 73/2(2) là 203°24'26,940", khoảng cách là 28,09m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/2(1) đến cột mốc số 73/3(1) là 271°35'47,959", khoảng cách là 1067,35m.	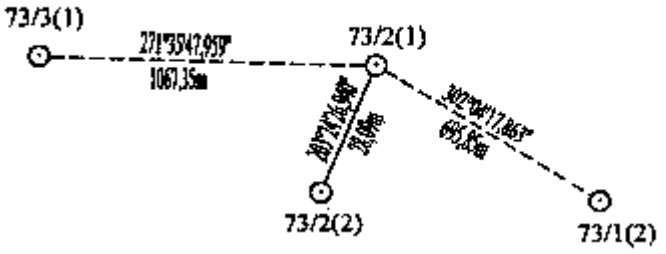		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/2(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/2(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/2(2) và cột mốc số 73/2(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 15.64m.	1324790,61 665660.53	11 58 47,736 106 31 17,442	79,43 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 78,23
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/1(2) đến cột mốc số 73/2(2) là 299°46'19,891", khoảng cách là 692,17m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/2(1) đến cột mốc số 73/2(2) là 203°24'26,940", khoảng cách là 28,09m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/2(2) đến cột mốc số 73/3(1) là 273°00'36,806", khoảng cách là 1057,24m.	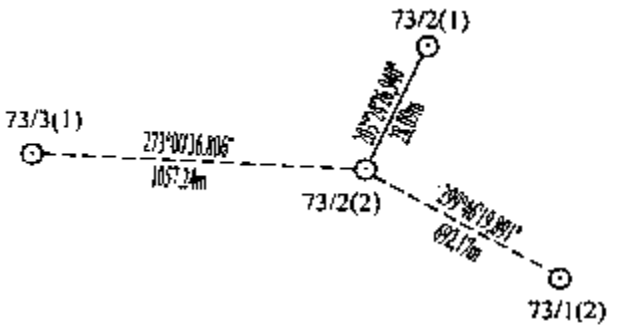		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/3(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/3(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/3(1) và cột mốc số 73/3(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 10,99m.	1324846,13 664604,75	11 58 49,731 106 30 42,552	74,01 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 72,81

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/2(2) đến cột mốc số 73/3(1) là 273°00'36,806", khoảng cách là 1057,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/3(1) đến cột mốc số 73/3(2) là 160°44'54,600", khoảng cách là 21,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/3(1) đến cột mốc số 73/4(1) là 219°24'52,526", khoảng cách là 661,78m.	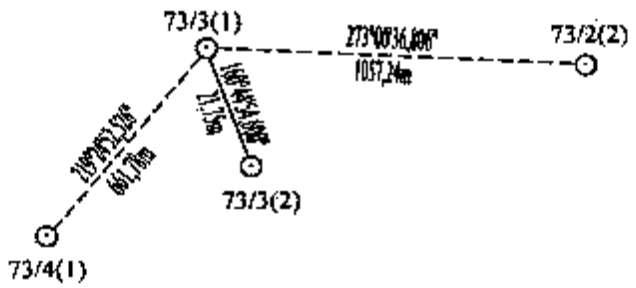

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/3(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/3(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/3(2) và cột mốc số 73/3(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 10,76m.	1324825,60 664611,92	11 58 49,062 106 30 42,785	74,09 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 72,89
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/2(2) đến cột mốc số 73/3(2) là 271°54'40,088", khoảng cách là 1049,19m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/3(1) đến cột mốc số 73/3(2) là 160°44'54,600", khoảng cách là 21,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/3(2) đến cột mốc số 73/4(1) là 221°03'00,906", khoảng cách là 650,73m.	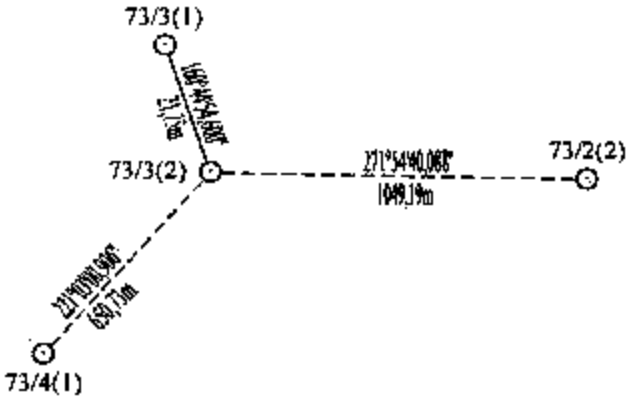		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/4(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 17 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/4(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/4(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/4(1) và cột mốc số 73/4(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 17,86m.	1324334,86 664184,57	11 58 33,168 106 30 28,570	71,93 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 70,73
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/3(2) đến cột mốc số 73/4(1) là 221°03'00,906", khoảng cách là 650,73m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/4(1) đến cột mốc số 73/4(2) là 169°41'05,789", khoảng cách là 35,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/4(1) đến cột mốc số 73/5(1) là 251°11'52,125", khoảng cách là 817,03m.	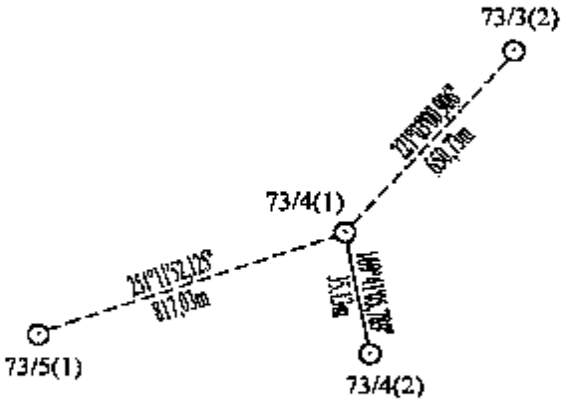		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/4(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/4(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/4(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/4(2) và cột mốc số 73/4(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 17,27m.	1324300,30 664190,86	11 58 32,042 106 30 28,772	71,25 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 70,05

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/3(2) đến cột mốc số 73/4(2) là 218°42'51,491", khoảng cách là 673,22m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/4(1) đến cột mốc số 73/4(2) là 169°41'05,789", khoảng cách là 35,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/4(2) đến cột mốc số 73/5(1) là 253°38'53,884", khoảng cách là 812,59m.	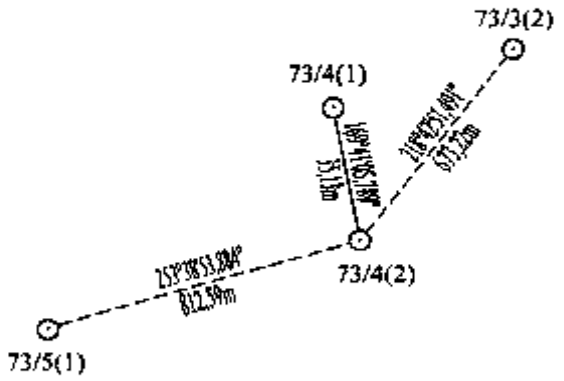

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/5(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/5(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/5(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/5(1) và cột mốc số 73/5(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 20.60m.	1324071,53 663411,14	11 58 24,735 106 30 02,956	69,79 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 68,59

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/4(2) đến cột mốc số 73/5(1) là 253°38'53,884", khoảng cách là 812,59m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/5(1) đến cột mốc số 73/5(2) là 170°40'35,070", khoảng cách là 49,56m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/5(1) đến cột mốc số 73/6(1) là 238°08'16,830", khoảng cách là 1082,17m.	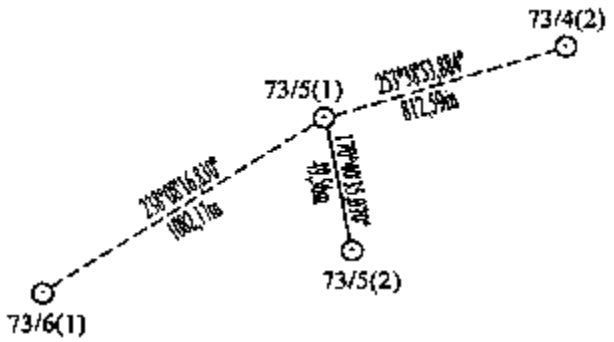

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/5(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/5(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/5(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/5(2) và cột mốc số 73/5(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 28,96m.	1324022,62 663419,17	11 58 23,141 106 30 03,213	70,02 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 68,82

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/4(2) đến cột mốc số 73/5(2) là 250°12'34,429", khoảng cách là 820,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/5(1) đến cột mốc số 73/5(2) là 170°40'35,070", khoảng cách là 49,56m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/5(2) đến cột mốc số 73/6(1) là 240°36'12,925", khoảng cách là 1064,16m.	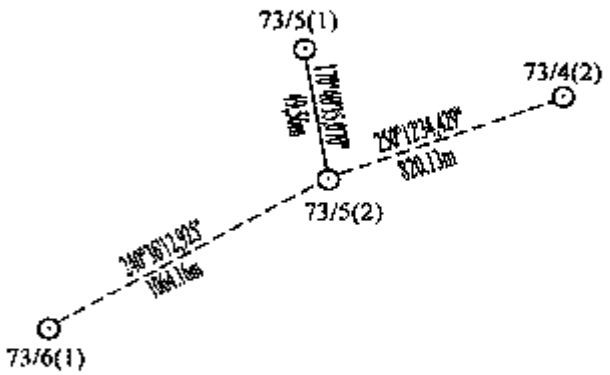

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/6(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/6(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/6(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/6(1) và cột mốc số 73/6(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 20,31m.	1323500,28 662492,03	11 58 06,305 106 29 32,472	67,34 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 66,14
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/5(2) đến cột mốc số 73/6(1) là 240°36'12,925", khoảng cách là 1064,16m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/6(1) đến cột mốc số 73/6(2) là 161°04'00,985", khoảng cách là 31,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/6(1) đến cột mốc số 73/7(1) là 294°51'42,754", khoảng cách là 1086,52m.	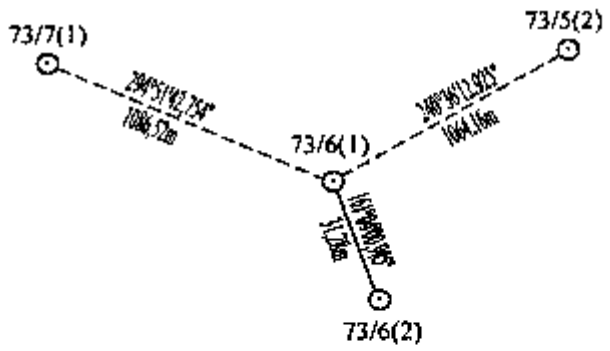		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/6(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/6(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/6(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/6(2) và cột mốc số 73/6(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 10,97m.	1323470,69 662502,18	11 58 05,340 106 29 32,803	67,42 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 66,22
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/5(2) đến cột mốc số 73/6(2) là 238°57'23,591", khoảng cách là 1070,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/6(1) đến cột mốc số 73/6(2) là 161°04'00,985", khoảng cách là 31,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/6(2) đến cột mốc số 73/7(1) là 296°01'45,054", khoảng cách là 1108,40m.	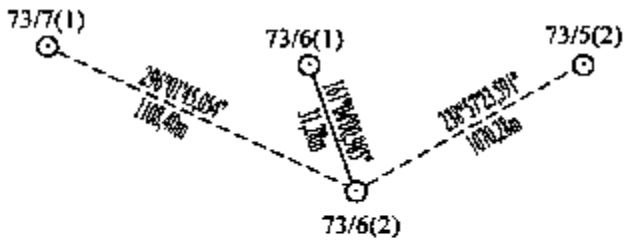		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/7(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/7(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/7(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 13,50m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/7(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/7(2) là 13,24m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/7(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/7(3) là 16,96m.	1323957,09 661506,20	11 58 21,345 106 28 59,967	65,03 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 63,83

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/6(2) đến cột mốc số 73/7(1) là 296°01'45,054", khoảng cách là 1108,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(1) đến cột mốc số 73/7(2) là 37°53'47,450", khoảng cách là 25,67m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(1) đến cột mốc số 73/7(3) là 79°23'28,039", khoảng cách là 26,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(2) đến cột mốc số 73/7(3) là 147°19'22,495", khoảng cách là 18,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(1) đến cột mốc số 73/8(1) là 269°25'37,074", khoảng cách là 1307,85m.	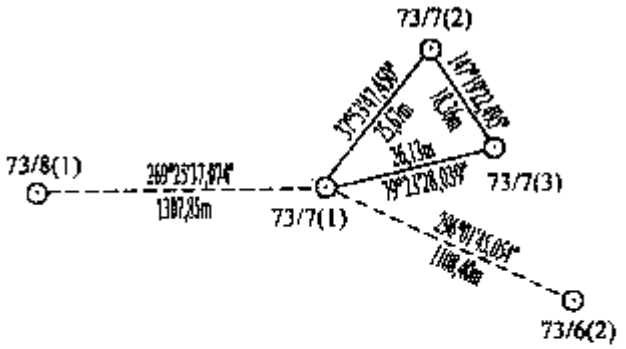

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/7(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/7(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/7(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 12,84m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/7(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/7(1) là 12,43m.	1323977,35 661521,97	11 58 22,002 106 29 00,492	64,53 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 63,33

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/6(2) đến cột mốc số 73/7(2) là 297°20'02,241", khoảng cách là 1103,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(1) đến cột mốc số 73/7(2) là 37°53'47,450", khoảng cách là 25,67m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(1) đến cột mốc số 73/7(3) là 79°23'28,039", khoảng cách là 26,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(2) đến cột mốc số 73/7(3) là 147°19'22,495", khoảng cách là 18,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(2) đến cột mốc số 73/8(1) là 268°33'25,323", khoảng cách là 1323,97m.	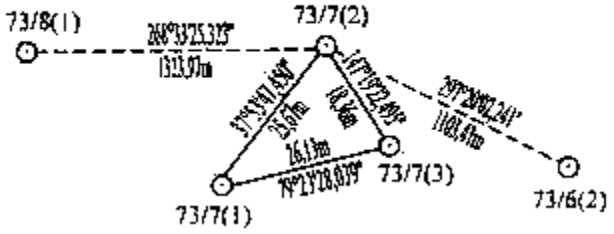

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/7(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 02 năm 2018

Vị trí mốc	Toạ độ: Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ: Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
Cột mốc số 73/7(3) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/7(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 15,73m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/7(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/7(1) là 9,17m.	1323961,90 661531,88	11 58 21,497 106 29 00,816	64,39 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 63,19

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/6(2) đến cột mốc số 73/7(3) là 296°51'02,188", khoảng cách là 1087,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(1) đến cột mốc số 73/7(2) là 37°53'47,450", khoảng cách là 25,67m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(1) đến cột mốc số 73/7(3) là 79°23'28,039", khoảng cách là 26,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(2) đến cột mốc số 73/7(3) là 147°19'22,495", khoảng cách là 18,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(3) đến cột mốc số 73/8(1) là 269°13'52,871", khoảng cách là 1333,58m.	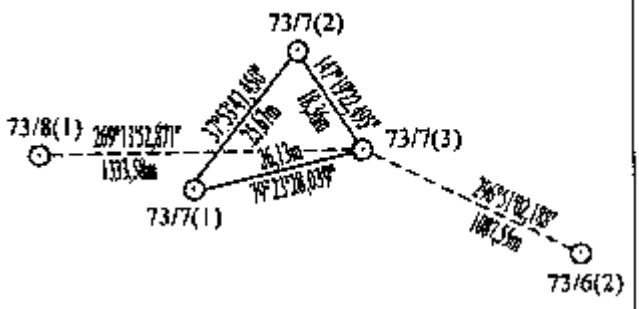

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/8(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/8(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/8(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối Bông chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 16,80m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/8(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/8(2) là 9,65m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/8(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/8(3) là 17,00m.	1323944,01 660198,42	11 58 21,147 106 28 16,734	61,60 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 60,40

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(3) đến cột mốc số 73/8(1) là 269°13'52,871", khoảng cách là 1333,58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(1) đến cột mốc số 73/8(2) là 154°29'22,213", khoảng cách là 20,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(1) đến cột mốc số 73/8(3) là 230°47'11,764", khoảng cách là 33,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(2) đến cột mốc số 73/8(3) là 265°47'15,075", khoảng cách là 35,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(1) đến cột mốc số 73/9(1) là 309°59'49,977", khoảng cách là 294,75m.	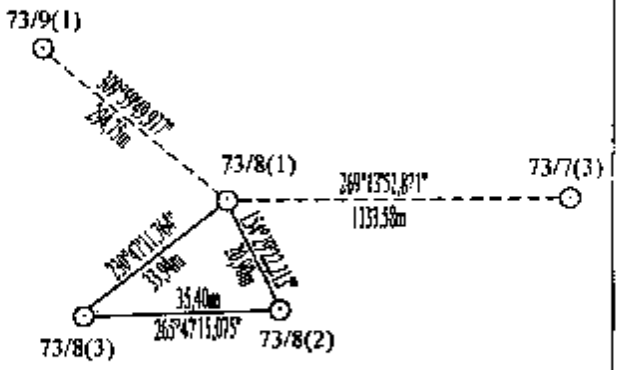

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/8(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/8(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/8(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối Bông chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 20,60m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/8(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/8(1) là 11,25m.	1323925,15 660207,42	11 58 20,531 106 28 17,029	61,69 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 60,49
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(3) đến cột mốc số 73/8(2) là 268°24'38,206", khoảng cách là 1324,97m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(1) đến cột mốc số 73/8(2) là 154°29'22,213", khoảng cách là 20,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(1) đến cột mốc số 73/8(3) là 230°47'11,764", khoảng cách là 33,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(2) đến cột mốc số 73/8(3) là 265°47'15,075", khoảng cách là 35,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(2) đến cột mốc số 73/9(1) là 311°34'43,737", khoảng cách là 313,89m.	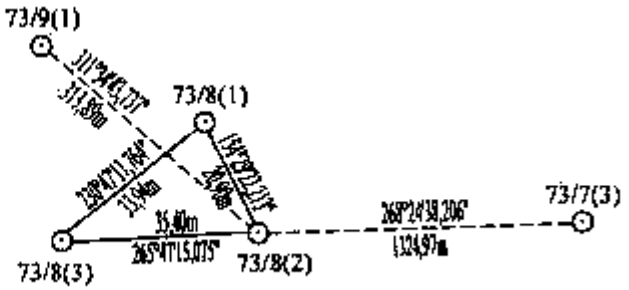		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/8(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/8(3) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/8(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối Bông chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 17,76m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/8(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/8(1) là 16,94m.	1323922,55 660172,12	11 58 20,453 106 28 15,861	61,94 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 60,74

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/7(3) đến cột mốc số 73/8(3) là 268°20'32.583", khoảng cách là 1360.33m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(1) đến cột mốc số 73/8(2) là 154°29'22.213", khoảng cách là 20,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(1) đến cột mốc số 73/8(3) là 230°47'11,764", khoảng cách là 33,94m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(2) đến cột mốc số 73/8(3) là 265°47'15,075", khoảng cách là 35,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(3) đến cột mốc số 73/9(1) là 316°35'32,987", khoảng cách là 290,32m.	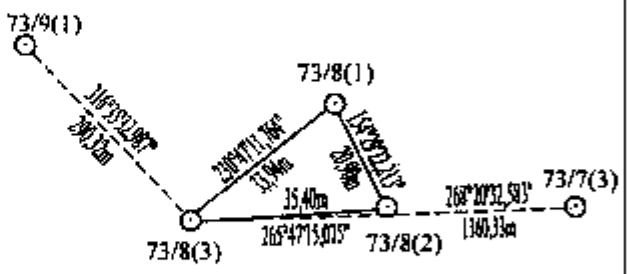

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/9(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/9(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/9(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/9(1) và cột mốc số 73/9(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 15,09m.	1324133,46 659972,62	11 58 27,352 106 28 09,304	61,35 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 60,15

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(3) đến cột mốc số 73/9(1) là 316°35'32,987", khoảng cách là 290,32m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/9(1) đến cột mốc số 73/9(2) là 254°05'34,320", khoảng cách là 32,91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/9(1) đến cột mốc số 73/10(1) là 334°32'16,830", khoảng cách là 946,43m.	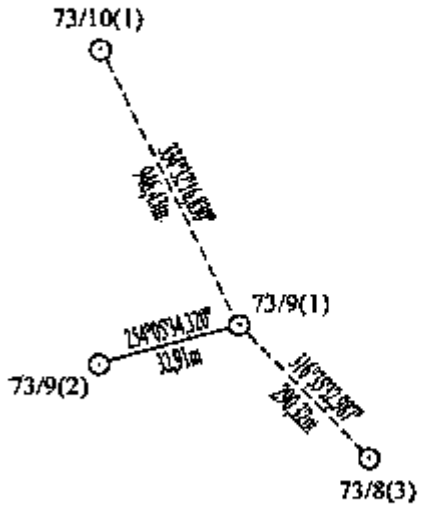

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/9(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/9(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/9(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/9(2) và cột mốc số 73/9(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 17,82m.	1324124,44 659940,97	11 58 27,064 106 28 08,256	60,99 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 59,79

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/8(3) đến cột mốc số 73/9(2) là 311°08'04,083", khoảng cách là 306,90m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/9(1) đến cột mốc số 73/9(2) là 254°05'34,320", khoảng cách là 32,91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/9(2) đến cột mốc số 73/10(1) là 336°30'48,053", khoảng cách là 941,52m.	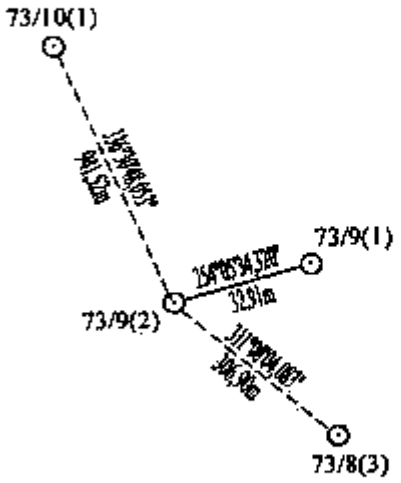

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/10(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/10(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Rịu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/10(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Rịu) với trung tuyến dòng chảy suối Svai chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 19,02m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/10(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/10(2) là 19,13m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/10(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/10(3) là 16,86m.	1324987,96 659565,74	11 58 55,232 106 27 56,004	59,99 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 58,79

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/9(2) đến cột mốc số 73/10(1) là 336°30'48,053", khoảng cách là 941,52m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(1) đến cột mốc số 73/10(2) là 111°05'54,113", khoảng cách là 40,56m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(1) đến cột mốc số 73/10(3) là 147°04'43,737", khoảng cách là 30,18m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(2) đến cột mốc số 73/10(3) là 243°24'48,866", khoảng cách là 23,98m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(1) đến cột mốc số 73/11(1) là 301°24'04,761", khoảng cách là 905,90m.	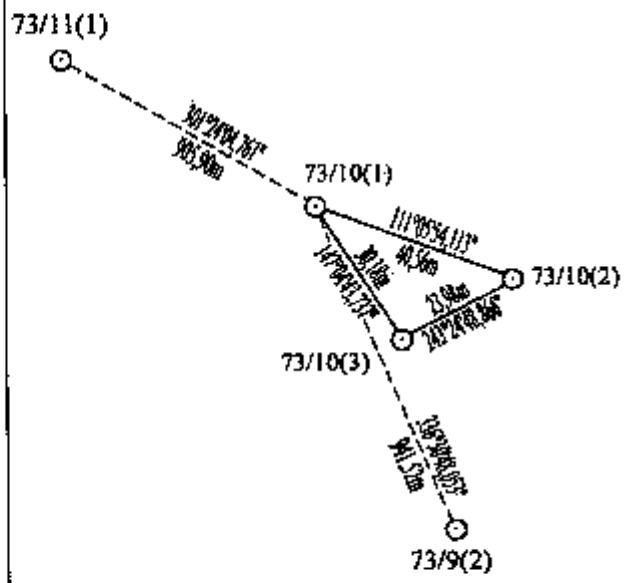

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/10(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/10(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/10(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối Svai chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 21,97m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/10(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/10(1) là 21,43m.	1324973,36 659603,58	11 58 54,751 106 27 57,252	59,10 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 57,90
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/9(2) đến cột mốc số 73/10(2) là 338°19'31,532", khoảng cách là 913,51m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(1) đến cột mốc số 73/10(2) là 111°05'54,113", khoảng cách là 40,56m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(1) đến cột mốc số 73/10(3) là 147°04'43,737", khoảng cách là 30,18m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(2) đến cột mốc số 73/10(3) là 243°24'48,866", khoảng cách là 23,98m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(2) đến cột mốc số 73/11(1) là 300°57'42,792", khoảng cách là 945,83m.	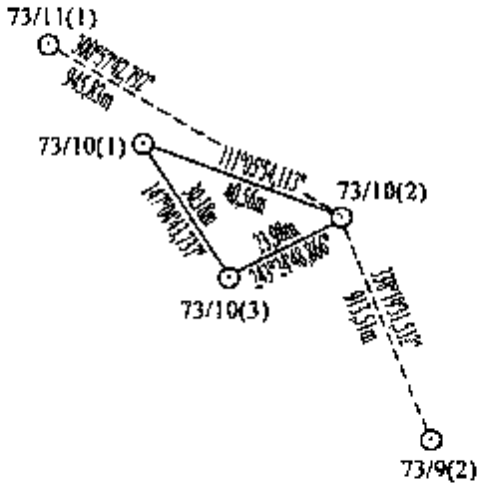		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/10(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018

Vị trí mốc	Toạ độ: Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ: Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
Cột mốc số 73/10(3) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/10(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối Svai chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 15,81m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/10(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/10(1) là 13,32m.	1324962,63 659582,14	11 58 54,405 106 27 56,542	59,37 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 58,17

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/9(2) đến cột mốc số 73/10(3) là 336°49'27.059", khoảng cách là 911,77m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(1) đến cột mốc số 73/10(2) là 111°05'54,113", khoảng cách là 40,56m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(1) đến cột mốc số 73/10(3) là 147°04'43,737", khoảng cách là 30,18m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(2) đến cột mốc số 73/10(3) là 243°24'48,866", khoảng cách là 23,98m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(3) đến cột mốc số 73/11(1) là 302°12'14,916", khoảng cách là 933,19m.	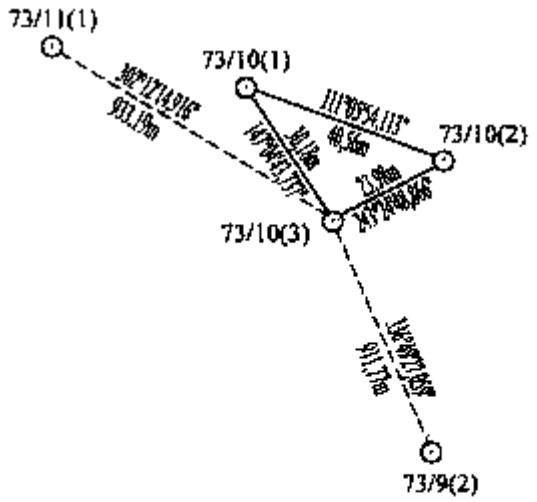

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/11(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/11(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/11(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối Tơ Răm Coong chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 14,44m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/11(2) là 15,05m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/11(3) là 16,60m.	1325459,96 658792,52	11 59 10,728 106 27 30,526	59,55 (1.20) Độ cao mặt đất (m) 58,35

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(3) đến cột mốc số 73/11(1) là 302°12'14,916", khoảng cách là 933,19m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(1) đến cột mốc số 73/11(2) là 25°12'49,577", khoảng cách là 33,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(1) đến cột mốc số 73/11(3) là 78°03'20,962", khoảng cách là 34,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(2) đến cột mốc số 73/11(3) là 140°17'53,486", khoảng cách là 30,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(1) đến cột mốc số 73/12(1) là 279°26'03,204", khoảng cách là 707,32m.	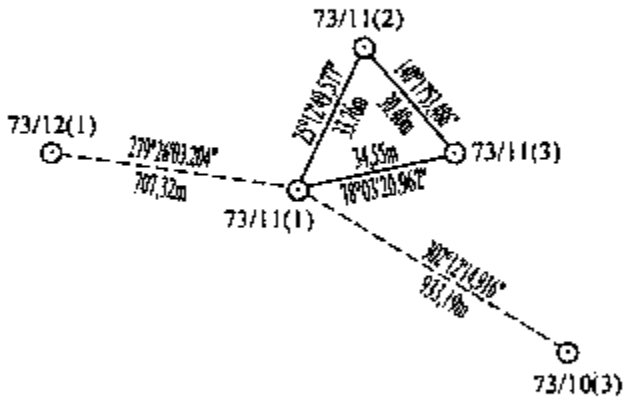

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/11(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/11(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/11(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối Tơ Răm Coong chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 20,22m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/11(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/11(1) là 18,71m.	1325490,50 658806,90	11 59 11,719 106 27 31,007	59,37 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 58,17

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(3) đến cột mốc số 73/11(2) là 304°15'05,067", khoảng cách là 937,89m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(1) đến cột mốc số 73/11(2) là 25°12'49,577", khoảng cách là 33,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(1) đến cột mốc số 73/11(3) là 78°03'20,962", khoảng cách là 34,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(2) đến cột mốc số 73/11(3) là 140°17'53,486", khoảng cách là 30,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(2) đến cột mốc số 73/12(1) là 276°50'18,108", khoảng cách là 717,23m.	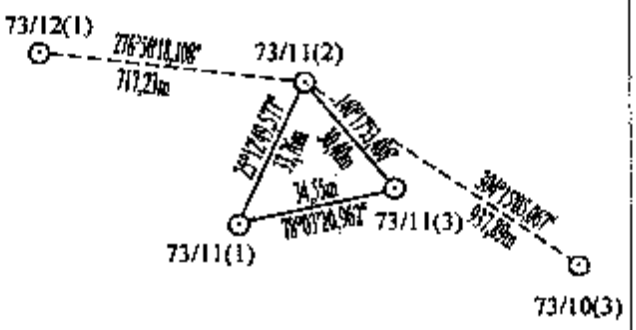

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/11(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018

Vị trí mốc	Toạ độ: Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ: Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
Cột mốc số 73/11(3) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/11(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối Tơ Răm Coong chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 24,66m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/11(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/11(1) là 17,95m.	1325467,11 658826,32	11 59 10,954 106 27 31,645	59,05 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 57,85

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/10(3) đến cột mốc số 73/11(3) là 303°43'17,561", khoảng cách là 908,72m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(1) đến cột mốc số 73/11(2) là 25°12'49,577", khoảng cách là 33,76m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(1) đến cột mốc số 73/11(3) là 78°03'20,962", khoảng cách là 34,55m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(2) đến cột mốc số 73/11(3) là 140°17'53,486", khoảng cách là 30,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(3) đến cột mốc số 73/12(1) là 278°27'30,811", khoảng cách là 739,59m.	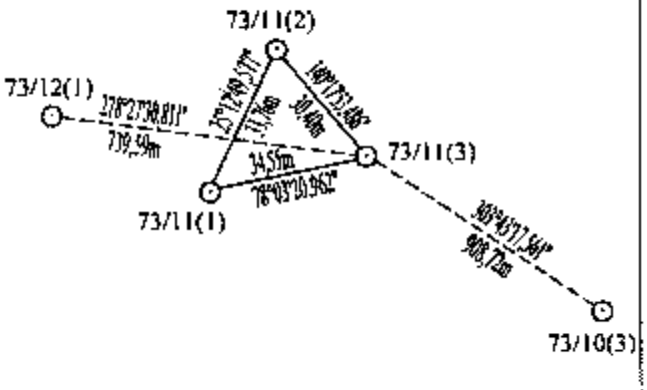

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/12(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/12(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/12(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 12,18m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/12(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/12(2) là 10.88m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/12(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/12(3) là 13,71m.	1325575,90 658094,77	11 59 14,621 106 27 07,480	57,69 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 56,49
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(3) đến cột mốc số 73/12(1) là 278°27'30,811", khoảng cách là 739,59m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(1) đến cột mốc số 73/12(2) là 123°53'53,868", khoảng cách là 24,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(1) đến cột mốc số 73/12(3) là 178°14'09,122", khoảng cách là 35,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(2) đến cột mốc số 73/12(3) là 221°22'51,546", khoảng cách là 29,01m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(1) đến cột mốc số 73/13(1) là 256°48'22,760", khoảng cách là 443,34m.	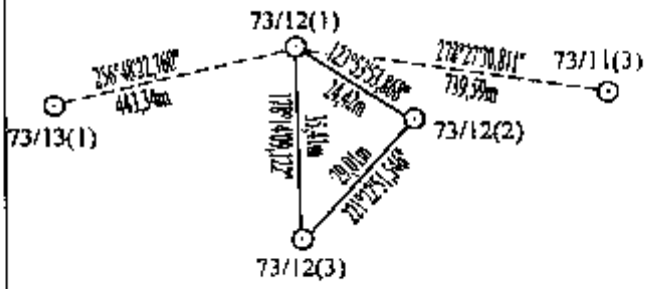		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/12(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ: Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ: Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
Cột mốc số 73/12(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/12(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 14,89m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/12(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/12(1) là 13,54m.	1325562,28 658115,04	11 59 14,174 106 27 08,148	56,96 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 55,76

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(3) đến cột mốc số 73/12(2) là 277°37'15,496", khoảng cách là 717,62m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(1) đến cột mốc số 73/12(2) là 123°53'53,868", khoảng cách là 24,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(1) đến cột mốc số 73/12(3) là 178°14'09,122", khoảng cách là 35,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(2) đến cột mốc số 73/12(3) là 221°22'51,546", khoảng cách là 29,01m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(2) đến cột mốc số 73/13(1) là 259°01'59,821", khoảng cách là 460,32m.	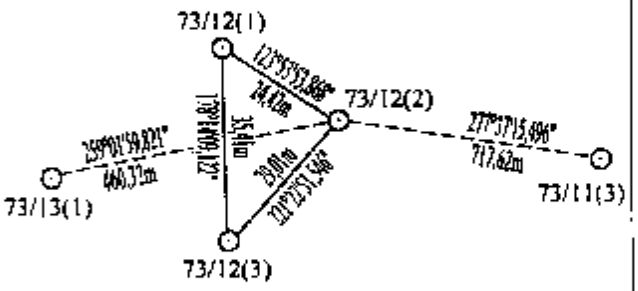

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/12(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/12(3) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/12(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 25,02m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/12(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/12(1) là 21,70m.	1325540,51 658095,86	11 59 13,469 106 27 07,510	58,20 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 57.00
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/11(3) đến cột mốc số 73/12(3) là 275°44'17,102", khoảng cách là 734,14m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(1) đến cột mốc số 73/12(2) là 123°53'53,868", khoảng cách là 24,42m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(1) đến cột mốc số 73/12(3) là 178°14'09,122", khoảng cách là 35,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(2) đến cột mốc số 73/12(3) là 221°22'51,546", khoảng cách là 29,01m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(3) đến cột mốc số 73/13(1) là 261°21'14,245", khoảng cách là 437,70m.	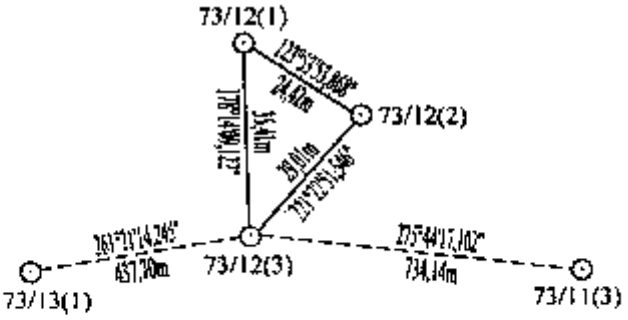		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/13(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/13(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/13(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/13(1) và cột mốc số 73/13(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 13,57 m.	1325474,71 657663,13	11 59 11,401 106 26 53,193	57,83 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 56,63

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(3) đến cột mốc số 73/13(1) là 261°21'14,245", khoảng cách là 437,70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/13(1) đến cột mốc số 73/13(2) là 89°47'35,365", khoảng cách là 30,47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/13(1) đến cột mốc số 73/14(1) là 262°36'50,655", khoảng cách là 277,01m.	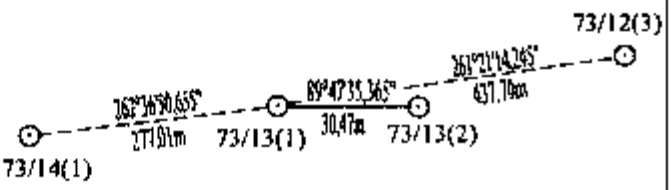

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/13(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/13(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/13(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/13(2) và cột mốc số 73/13(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 16,90m.	1325474,82 657693,60	11 59 11,399 106 26 54,200	57,11 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 55,91

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/12(3) đến cột mốc số 73/13(2) là 260°43'31,193", khoảng cách là 407,59m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/13(1) đến cột mốc số 73/13(2) là 89°47'35,365", khoảng cách là 30,47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/13(2) đến cột mốc số 73/14(1) là 263°19'26,946", khoảng cách là 307,26m.	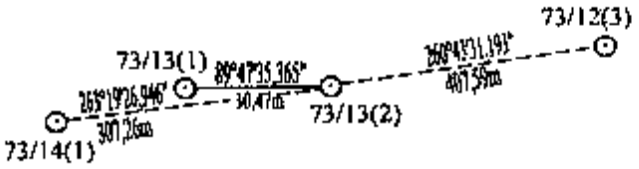

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/14(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/14(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/14(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/14(1) và cột mốc số 73/14(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 20,47m.	1325439,10 657388,42	11 59 10,289 106 26 44,106	57,26 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 56,06
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/13(2) đến cột mốc số 73/14(1) là 263°19'26,946", khoảng cách là 307,26m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/14(1) đến cột mốc số 73/14(2) là 220°07'43,145", khoảng cách là 54,04m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/14(1) đến cột mốc số 73/15(1) là 238°34'05,179", khoảng cách là 1131,15m.	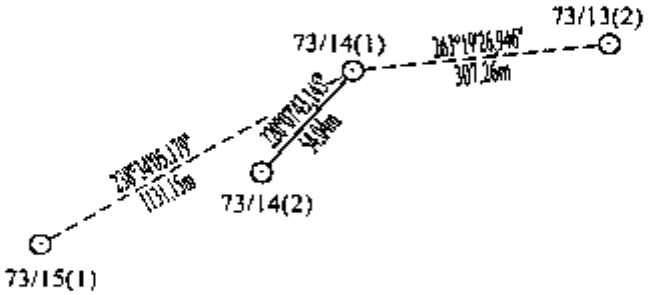		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/14(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/14(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/14(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/14(2) và cột mốc số 73/14(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 33,57m.	1325397,78 657353,59	11 59 08,950 106 26 42,947	56,95 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			55,75
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/13(2) đến cột mốc số 73/14(2) là 257°14'00,222", khoảng cách là 348,63m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/14(1) đến cột mốc số 73/14(2) là 220°07'43,145", khoảng cách là 54,04m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/14(2) đến cột mốc số 73/15(1) là 239°28'29,847", khoảng cách là 1080,02m.	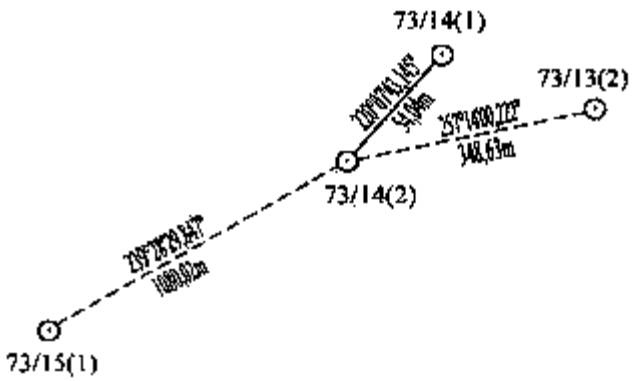		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/15(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đội cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/15(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/15(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/15(1) và cột mốc số 73/15(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 14.40 m.	1324849,22 656423,25	11 58 51,255 106 26 12,098	55,62 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 54,42
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/14(2) đến cột mốc số 73/15(1) là 239°28'29,847", khoảng cách là 1080,02m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/15(1) đến cột mốc số 73/15(2) là 132°44'05,543", khoảng cách là 36,85m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/15(1) đến cột mốc số 73/16(1) là 195°37'17,530", khoảng cách là 871.69m.	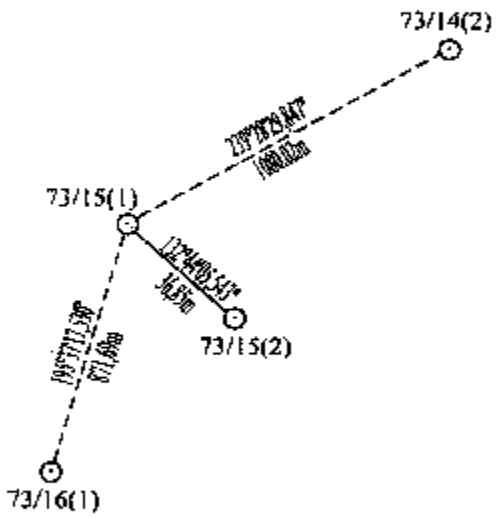		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/15(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/15(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/15(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/15(2) và cột mốc số 73/15(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 22,45m.	1324824,21 656450,32	11 58 50,437 106 26 12,988	55,33 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 54,13

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/14(2) đến cột mốc số 73/15(2) là 237°35'05,079", khoảng cách là 1069,99m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/15(1) đến cột mốc số 73/15(2) là 132°44'05,543", khoảng cách là 36,85m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/15(2) đến cột mốc số 73/16(1) là 197°49'08,656", khoảng cách là 855,52m.	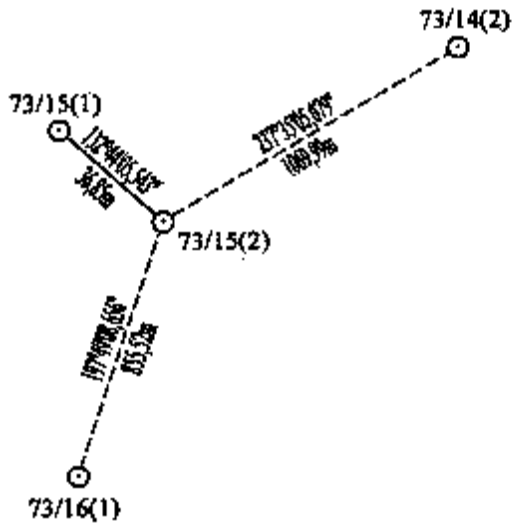

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/16(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/16(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/16(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/16(1) và cột mốc số 73/16(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 11.58m.	1324009,73 656188,52	11 58 23,972 106 26 04,194	53,35 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 52,15
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/15(2) đến cột mốc số 73/16(1) là 197°49'08,656", khoảng cách là 855,52m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/16(1) đến cột mốc số 73/16(2) là 62°22'55,595", khoảng cách là 24,10m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/16(1) đến cột mốc số 73/17(1) là 250°22'22,498", khoảng cách là 292,59m.	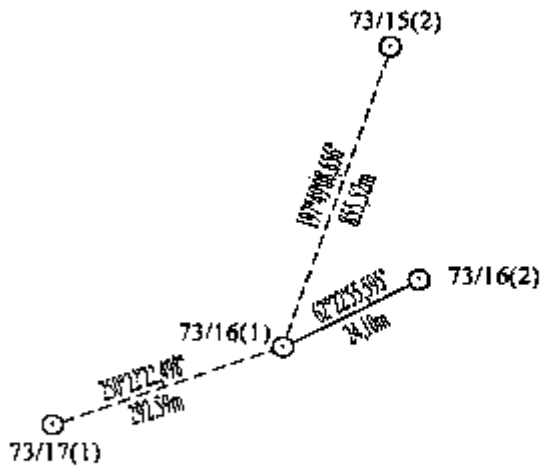		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/16(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 4 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/16(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/16(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/16(2) và cột mốc số 73/16(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 12,52m.	1324020,90 656209,87	11 58 24,332 106 26 04,901	53,76 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 52,56
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/15(2) đến cột mốc số 73/16(2) là 196°39'49,342", khoảng cách là 838,52m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/16(1) đến cột mốc số 73/16(2) là 62°22'55,595", khoảng cách là 24,10m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/16(2) đến cột mốc số 73/17(1) là 249°45'59,283", khoảng cách là 316,47m.	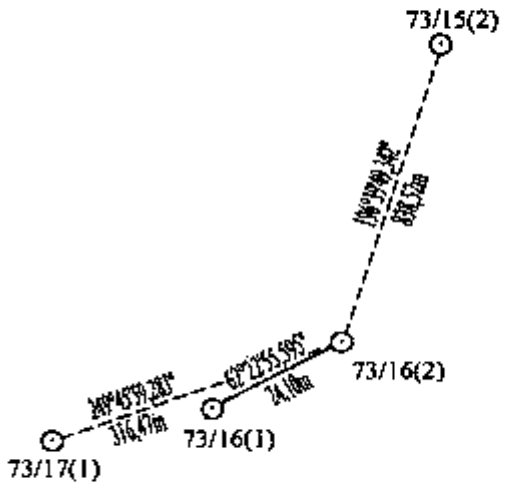		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/17(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/17(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/17(1) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối Lầy chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 18,12m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/17(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/17(2) là 16,40m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/17(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/17(3) là 17,13m.	1323911.45 655912,93	11 58 20,821 106 25 55,067	54,13 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 52,93
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/16(2) đến cột mốc số 73/17(1) là 249°45'59,283", khoảng cách là 316,47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(1) đến cột mốc số 73/17(2) là 125°31'13,064", khoảng cách là 30,65m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(1) đến cột mốc số 73/17(3) là 181°33'52,748", khoảng cách là 30,03m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(2) đến cột mốc số 73/17(3) là 244°38'53,124", khoảng cách là 28,52m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(1) đến cột mốc số 73/18(1) là 266°36'52,050", khoảng cách là 1054,45m.	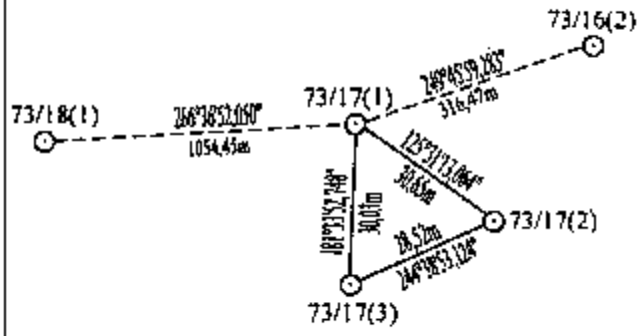		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/17(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/17(2) cắm trên bờ sông Chịu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/17(2) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chịu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối Lầy chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 14,38m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/17(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/17(1) là 14,25m.	1323893,64 655937,88	11 58 20,237 106 25 55,889	53,09 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 51,89

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/16(2) đến cột mốc số 73/17(2) là 244°55'32,947", khoảng cách là 300,29m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(1) đến cột mốc số 73/17(2) là 125°31'13,064", khoảng cách là 30,65m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(1) đến cột mốc số 73/17(3) là 181°33'52,748", khoảng cách là 30,03m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(2) đến cột mốc số 73/17(3) là 244°38'53,124", khoảng cách là 28,52m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(2) đến cột mốc số 73/18(1) là 267°38'14,363", khoảng cách là 1078,48m.	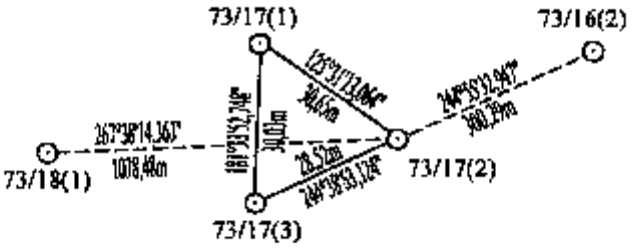

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/17(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 4 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/17(3) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/17(3) đến giao điểm của trung tuyến dòng chảy sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) với trung tuyến dòng chảy suối Lầy chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 19,56m. Khoảng cách từ cột mốc số 73/17(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 73/17(1) là 12,90m.	1323881,43 655912,11	11 58 19,844 106 25 55,035	52,32 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 51,12

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/16(2) đến cột mốc số 73/17(3) là 244°54'06,235", khoảng cách là 328,81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(1) đến cột mốc số 73/17(2) là 125°31'13,064", khoảng cách là 30,65m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(1) đến cột mốc số 73/17(3) là 181°33'52,748", khoảng cách là 30,03m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(2) đến cột mốc số 73/17(3) là 244°38'53,124", khoảng cách là 28,52m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(3) đến cột mốc số 73/18(1) là 268°14'37,486", khoảng cách là 1052,28m.	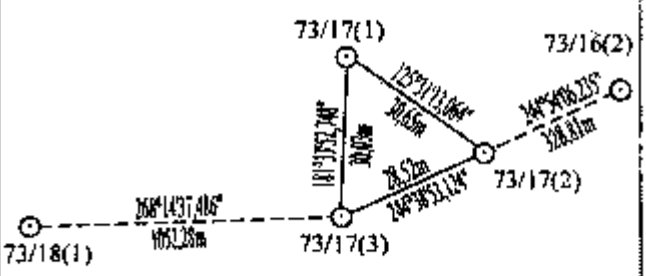

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/18(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 18 tháng 01 năm 2018	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/18(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 73/18(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/18(1) và cột mốc số 73/18(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 24,81m.	1323849,18 654860,32	11 58 18,971 106 25 20,260	54,00 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 52,80
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(3) đến cột mốc số 73/18(1) là 268°14'37,486", khoảng cách là 1052,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/18(1) đến cột mốc số 73/18(2) là 147°18'08,932", khoảng cách là 42,91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/18(1) đến cột mốc số 74(1) là 285°07'43,077", khoảng cách là 1218,49m.	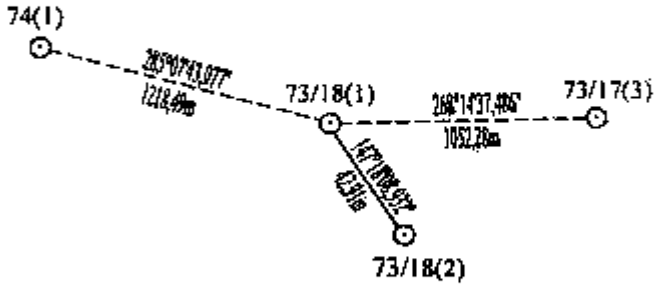		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 73/18(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 30 tháng 8 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 73/18(2) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Việt nam. Khoảng cách từ cột mốc số 73/18(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 73/18(2) và cột mốc số 73/18(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 18.10m.	1323813,07 654883,50	11 58 17,792 106 25 21,020	52,74 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 51,54
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/17(3) đến cột mốc số 73/18(2) là 266°11'52,054", khoảng cách là 1030,88m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/18(1) đến cột mốc số 73/18(2) là 147°18'08,932", khoảng cách là 42,91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/18(2) đến cột mốc số 74(1) là 286°26'54,929", khoảng cách là 1250.62m.	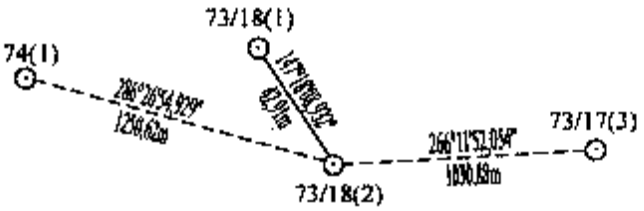		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 74(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 23 tháng 4 năm 2010

Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 74(1) cắm trên bờ sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 74(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 74(1) và cột mốc số 74(2) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 20,41m.	1324167,19 653684,06	11 58 29,517 106 24 41,431	53,94 (2,49) Độ cao mặt đất (m) 51,45

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/18(2) đến cột mốc số 74(1) là 286°26'54,929", khoảng cách là 1250,62m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 74(1) đến cột mốc số 74(2) là 142°23'25,667", khoảng cách là 62,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 74(1) đến cột mốc số 74/1 là 152°03'54,478", khoảng cách là 225,80m.	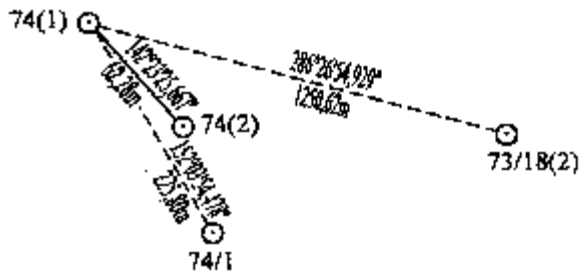

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 74(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 20 tháng 5 năm 2010	
Vị trí mốc	Tọa độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Tọa độ vuông góc X(m) Y(m)	Tọa độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 74(2) cắm trên đường biên giới. Khoảng cách từ cột mốc số 74(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 74(2) và cột mốc số 74(1) với trung tuyến dòng chảy của sông Chiu Riu (Prêch Chơ Riu) là 41,87m.	1324117,85 653722,07	11 58 27,905 106 24 42,678	52,27 (2,49) Độ cao mặt đất (m) 49,78
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 73/18(2) đến cột mốc số 74(2) là 284°42'14,047", khoảng cách là 1200,75m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 74(1) đến cột mốc số 74(2) là 142°23'25,667", khoảng cách là 62,28m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 74(2) đến cột mốc số 74/1 là 155°42'28.900", khoảng cách là 164,74m.	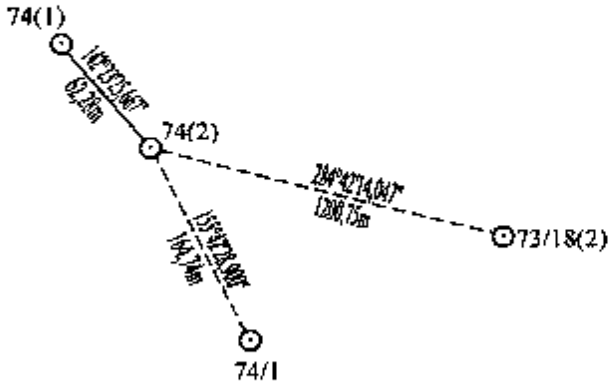		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 74/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 74/1 cắm trong kênh không tên.	1323967,70 653789,84	11 58 23,007 106 24 44,894	50,31 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			49.11
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc phụ số 74(2) đến cột mốc phụ số 74/1 là 155°42'28,900", khoảng cách là 164,74m. Góc phương vị tọa độ cột mốc phụ số 74/1 đến cột mốc phụ số 74/2 là 173°47'52,932", khoảng cách là 75,07m.	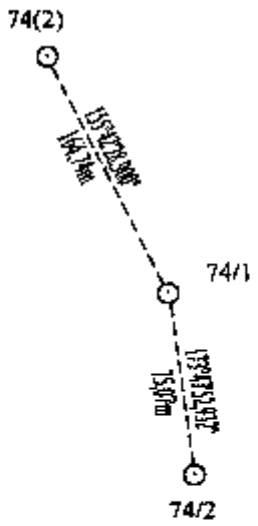		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 74/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 74/2 cắm trên bãi đất trống.	1323893,07 653797,95	11 58 20,577 106 24 45,149	51,23 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			50,03
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc phụ số 74/1 đến cột mốc phụ số 74/2 là 173°47'52,932", khoảng cách là 75,07m. Góc phương vị tọa độ cột mốc phụ số 74/2 đến cột mốc phụ số 74/3 là 144°54'13,040", khoảng cách là 316,20m.	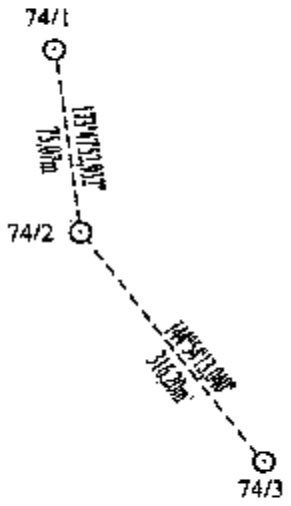		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 74/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 19 tháng 7 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 74/3 cắm tại phía Đông bờ đê.	1323634,36 653979,75	11 58 12,127 106 24 51,115	52,36 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			51,16
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc phụ số 74/2 đến cột mốc phụ số 74/3 là 144°54'13,040", khoảng cách là 316,20m. Góc phương vị tọa độ cột mốc phụ số 74/3 đến cột mốc phụ số 74/4 là 141°39'56,860", khoảng cách là 229,47m.	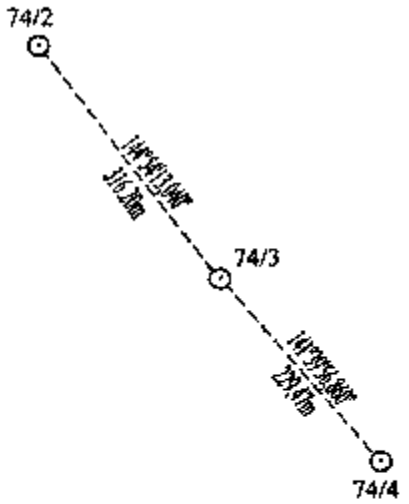		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 74/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 74/4 cắm trong vườn cao su.	1323454,36 654122,08	11 58 06,244 106 24 55,790	55,15 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			53,95
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc phụ số 74/3 đến cột mốc phụ số 74/4 là 141°39'56,860", khoảng cách là 229,47m. Góc phương vị tọa độ cột mốc phụ số 74/4 đến cột mốc phụ số 74/5 là 151°04'23,511", khoảng cách là 385,37m.	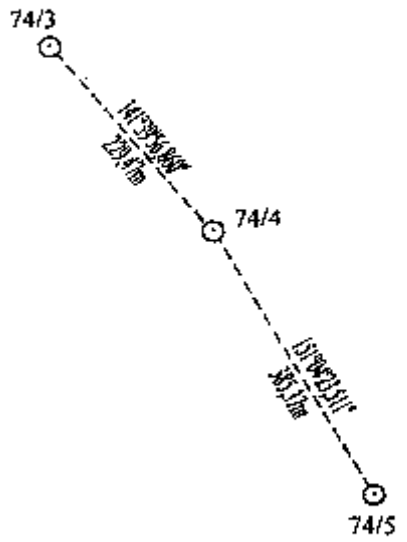		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 74/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 7 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 74/5 cắm phía Nam đường đất.	1323117,07 654308,48	11 57 55,236 106 25 01,894	59,12 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			57,92

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc phụ số 74/4 đến cột mốc phụ số 74/5 là 151°04'23,511", khoảng cách là 385,37m. Góc phương vị tọa độ cột mốc phụ số 74/5 đến cột mốc phụ số 74/6 là 151°04'13,747", khoảng cách là 269,16m.	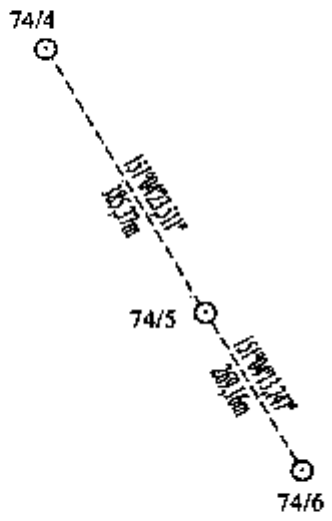

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 74/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 13 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 74/6 cắm trên bãi đất trống.	1322881,50 654438,68	11 57 47,547 106 25 06,158	58,66 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			57,46
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc phụ số 74/5 đến cột mốc phụ số 74/6 là 151°04'13,747", khoảng cách là 269,16m. Góc phương vị tọa độ cột mốc phụ số 74/6 đến cột mốc phụ số 75 là 151°04'30,059", khoảng cách là 411,73m.	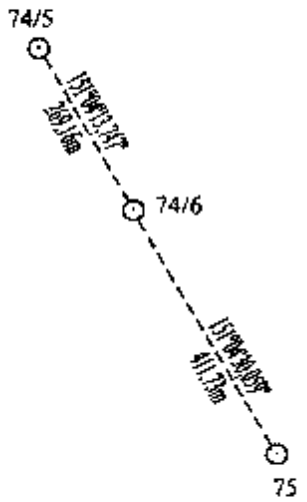		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75 cắm trong vườn cao su.	1322521,13 654637,82	11 57 35,785 106 25 12,679	59,12 (2.40)
			Độ cao mặt đất (m)
			56,72

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 74/6 đến cột mốc số 75 là 151°04'30,059", khoảng cách là 411,73m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75 đến cột mốc số 75/1 là 153°04'04,017", khoảng cách là 887,70m.	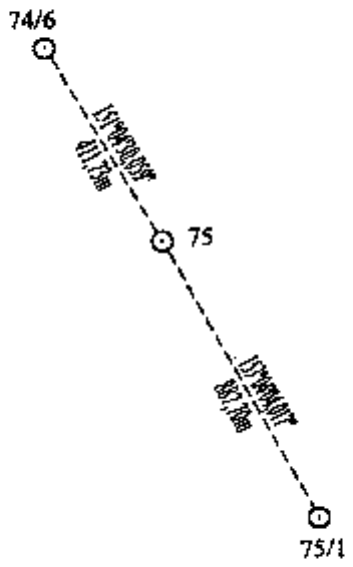

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75/1

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75/1 cắm trên bãi đất trống.	1321729,71 655039,89	11 57 09,960 106 25 25,835	59,36 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			58,16
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75 đến cột mốc số 75/1 là 153°04'04,017", khoảng cách là 887,70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/1 đến cột mốc số 75/2 là 153°04'35,827", khoảng cách là 962,50m.	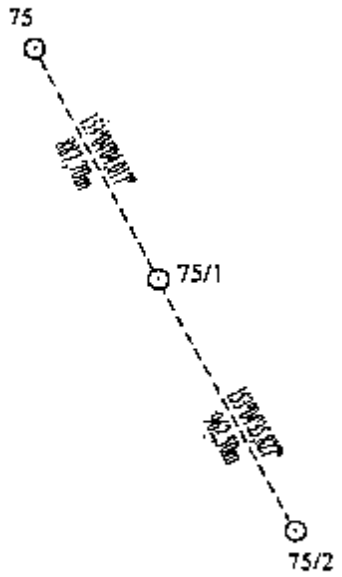		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75/2

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75/2 cắm trên bãi đất trống.	1320871,53 655475,71	11 56 41,957 106 25 40,095	59,74 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			58,54
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/1 đến cột mốc số 75/2 là 153°04'35,827", khoảng cách là 962,50m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/2 đến cột mốc số 75/3 là 153°03'55,970", khoảng cách là 1059,21m.	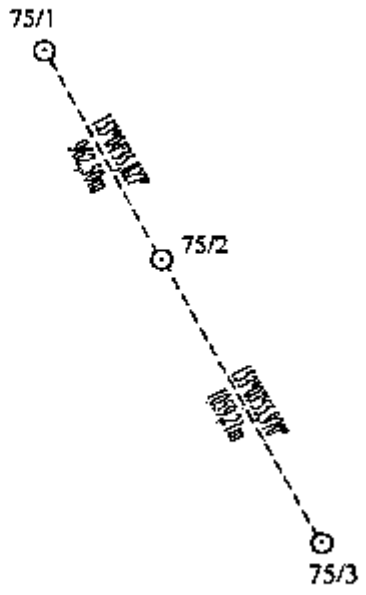		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75/3

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75/3 cắm trên bãi đất trống.	1319927,22 655955,50	11 56 11,142 106 25 55,792	59,24 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			58,04
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/2 đến cột mốc số 75/3 là 153°03'55,970", khoảng cách là 1059,21m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/3 đến cột mốc số 75/4 là 152°58'45,025", khoảng cách là 675,77m.	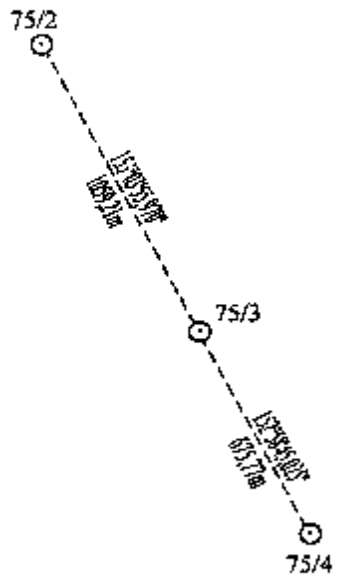		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75/4

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75/4 cắm trên bãi đất trống.	1319325,22 656262,51	11 55 51,498 106 26 05,836	67,68 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			66,48
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/3 đến cột mốc số 75/4 là 152°58'45,025", khoảng cách là 675,77m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/4 đến cột mốc số 75/5 là 153°10'25,328", khoảng cách là 581,63m.	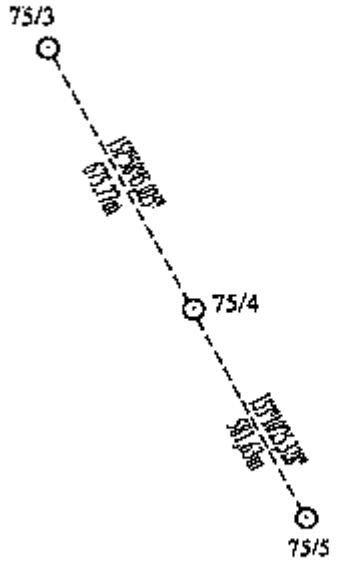		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75/5

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 21 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75/5 cắm trên bãi đất trống.	1318806,19 656524,99	11 55 34,561 106 26 14,423	62,83 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			61,63
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/4 đến cột mốc số 75/5 là 153°10'25.328", khoảng cách là 581.63m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/5 đến cột mốc số 75/6 là 153°04'04.955", khoảng cách là 786.37m.	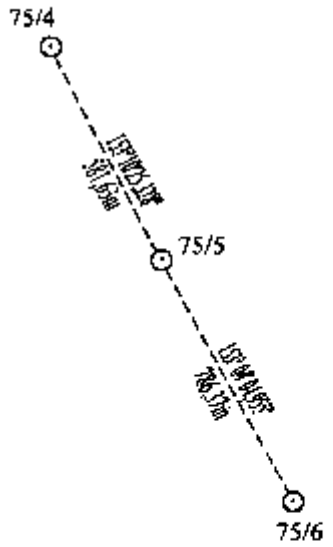		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75/6

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75/6 cắm trên bãi đất trống.	1318105,11 656881,16	11 55 11,684 106 26 26,074	63,62 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 62,42
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/5 đến cột mốc số 75/6 là 153°04'04,955", khoảng cách là 786,37m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/6 đến cột mốc số 75/7 là 152°52'55,089", khoảng cách là 657,53m.	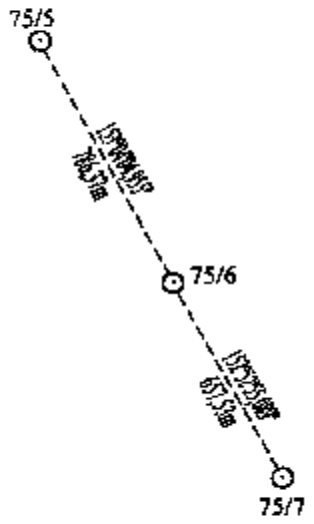		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75/7

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75/7 cắm trên bãi đất trống.	1317519,86 657180,88	11 54 52,585 106 26 35,879	68,96 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			67,76
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/6 đến cột mốc số 75/7 là 152°52'55,089", khoảng cách là 657,53m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/7 đến cột mốc số 75/8 là 153°11'40,914", khoảng cách là 984,41m.	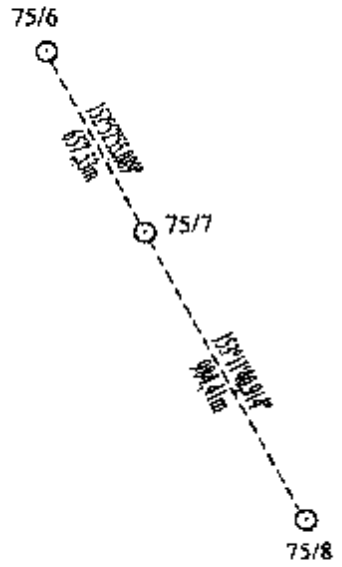		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75/8

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 12 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75/8 cắm trên bãi đất trống.	1316641,23 657624,81	11 54 23,914 106 26 50,399	71,39 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			70,19
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/7 đến cột mốc số 75/8 là 153°11'40,914", khoảng cách là 984,41m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/8 đến cột mốc số 75/9 là 153°06'46,638", khoảng cách là 779,86m.	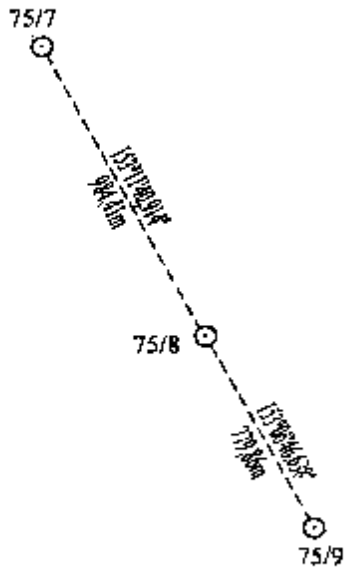		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75/9

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75/9 cắm trên bãi đất trống.	1315945,67 657977,49	11 54 01,216 106 27 01,934	70,96 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			69,76
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/8 đến cột mốc số 75/9 là 153°06'46,638", khoảng cách là 779.86m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/9 đến cột mốc số 75/10 là 153°01'16,115", khoảng cách là 702.81m.	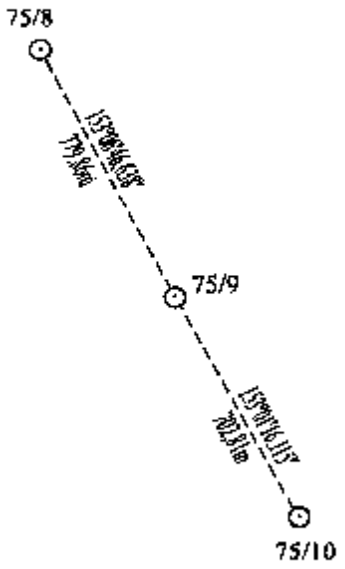		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75/10

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75/10 cắm trên bãi đất trống.	1315319,34 658296,33	11 53 40,778 106 27 12,363	66,56 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			65,36
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/9 đến cột mốc số 75/10 là 153°01'16,115", khoảng cách là 702,81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/10 đến cột mốc số 75/11 là 153°04'23,510", khoảng cách là 1121,27m.	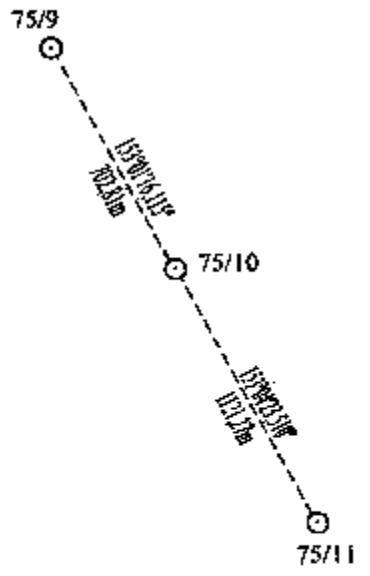		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75/11

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75/11 cắm trên bãi đất trống.	1314319,63 658804,10	11 53 08,155 106 27 28,970	64,28 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			63,08
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/10 đến cột mốc số 75/11 là 153°04'23,510", khoảng cách là 1121,27m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/11 đến cột mốc số 75/12 là 153°03'59,165", khoảng cách là 858,03m.	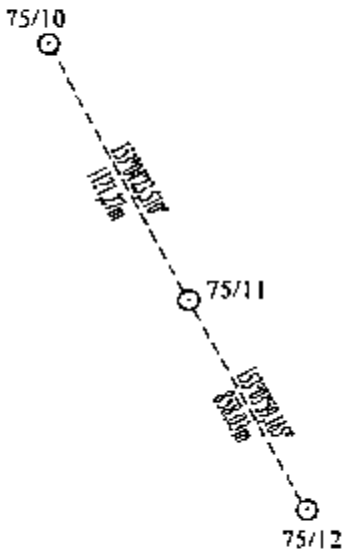		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 75/12

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đơn	Bê tông cốt thép	Ngày 20 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 75/12 cắm trên bãi đất trống.	1313554,67 659192,75	11 52 43,192 106 27 41,680	60,08 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			58.88

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/11 đến cột mốc số 75/12 là 153°03'59,165", khoảng cách là 858,03m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/12 đến cột mốc số 76 là 153°04'14,556", khoảng cách là 940,56m.	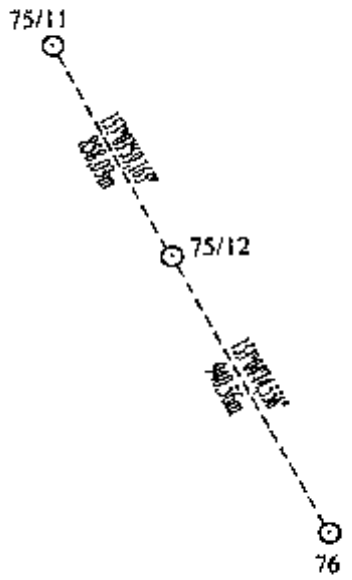

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 76

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đơn, loại B	Đá hoa cương	Ngày 24 tháng 01 năm 2011	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 76 cắm phía Nam đường đất.	1312716,10 659618,72	11 52 15,827 106 27 55,610	64,90 (2,40)
			Độ cao mặt đất (m)
			62,50
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 75/12 đến cột mốc số 76 là 153°04'14,556", khoảng cách là 940,56m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 76 đến cột mốc số 77(1) là 146°47'23,724", khoảng cách là 293,33m.	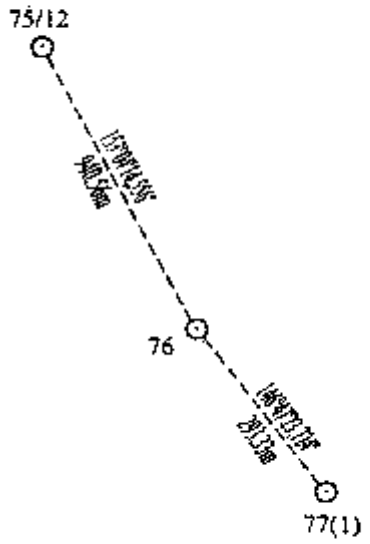		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 15 tháng 6 năm 2010

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77(1) cắm trên đường biên giới. Khoảng cách từ cột mốc số 77(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77(1) và cột mốc số 77(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chám (tôn lê Chàm) là 28,50m.	1312470,68 659779,38	11 52 07,813 106 28 00,876	63,54 (2,50) Độ cao mặt đất (m) 61,04

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 76 đến cột mốc số 77(1) là 146°47'23,724", khoảng cách là 293,33m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77(1) đến cột mốc số 77(2) là 149°12'51,432", khoảng cách là 60,16m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77(1) đến cột mốc số 77/1(1) là 230°18'34,266", khoảng cách là 850,95m.	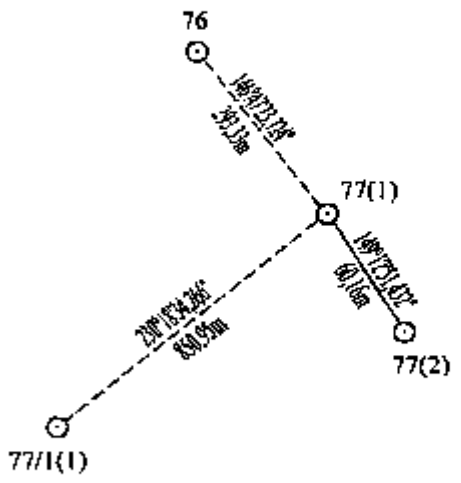

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số, loại B	Đá hoa cương	Ngày 09 tháng 7 năm 2010	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77(2) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lễ Chàm) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 77(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77(2) và cột mốc số 77(1) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lễ Chàm) là 31,66m.	1312419,00 659810,17	11 52 06,125 106 28 01,885	63,36 (2,50) Độ cao mặt đất (m) 60,86
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 76 đến cột mốc số 77(2) là 147°12'08,773", khoảng cách là 353,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77(1) đến cột mốc số 77(2) là 149°12'51,432", khoảng cách là 60,16m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77(2) đến cột mốc số 77/1(1) là 234°20'55,414", khoảng cách là 843,73m.	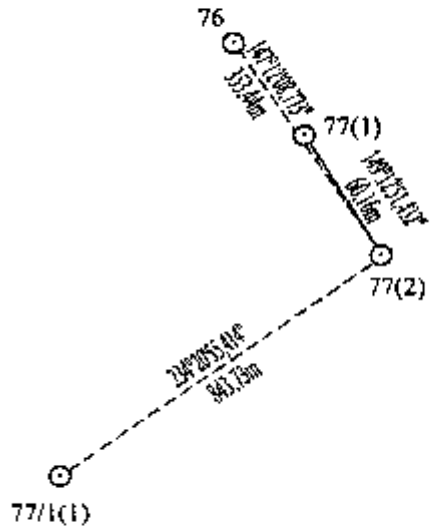		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/1(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/1(1) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 77/1(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/1(1) và cột mốc số 77/1(2) với trung tuyến dòng chảy rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 19,65m.	1311927,23 659124,57	11 51 50,237 106 27 39,145	61,14 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 59,94

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77(2) đến cột mốc số 77/1(1) là 234°20'55,414", khoảng cách là 843,73m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/1(1) đến cột mốc số 77/1(2) là 85°19'39,610", khoảng cách là 48,98m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/1(1) đến cột mốc số 77/2(1) là 278°26'56,115", khoảng cách là 515,42m.	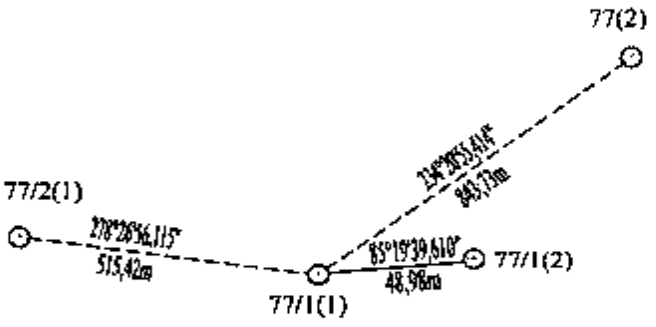

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/1(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/1(2) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 77/1(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/1(2) và cột mốc số 77/1(1) với trung tuyến dòng chảy rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 29,33m.	1311931,22 659173,39	11 51 50,359 106 27 40,759	61,45 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 60,25
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77(2) đến cột mốc số 77/1(2) là 232°32'51,056", khoảng cách là 802,13m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/1(1) đến cột mốc số 77/1(2) là 85°19'39,610", khoảng cách là 48,98m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/1(2) đến cột mốc số 77/2(1) là 277°19'03,671", khoảng cách là 563,24m.	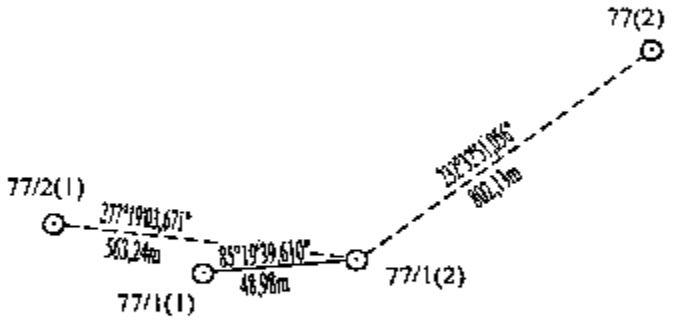		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/2(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 15 tháng 5 năm 2018

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/2(1) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 77/2(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/2(1) và cột mốc số 77/2(2) với trung tuyến dòng chảy rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 15,83m.	1312002,96 658614,74	11 51 52,789 106 27 22,312	60,21 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 59,01

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/1(2) đến cột mốc số 77/2(1) là 277°19'03,671", khoảng cách là 563,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/2(1) đến cột mốc số 77/2(2) là 228°04'01,855", khoảng cách là 41,50m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/2(1) đến cột mốc số 77/3(1) là 278°32'48,275", khoảng cách là 1026,67m.	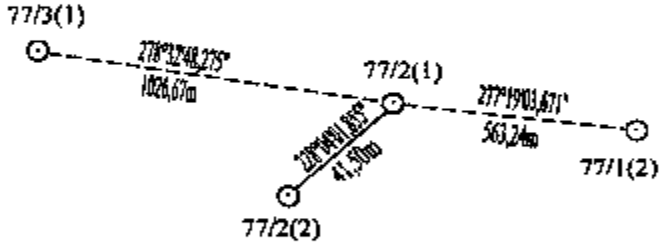

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/2(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 15 tháng 5 năm 2018	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/2(2) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chám) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 77/2(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/2(2) và cột mốc số 77/2(1) với trung tuyến dòng chảy rạch Chám (Tôn Lễ Chám) là 25,67m.	1311975,23 658583,87	11 51 51,892 106 27 21,287	60,37 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			59.17
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/1(2) đến cột mốc số 77/2(2) là 274°16'09,973", khoảng cách là 591,16m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/2(1) đến cột mốc số 77/2(2) là 228°04'01,855", khoảng cách là 41,50m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/2(2) đến cột mốc số 77/3(1) là 280°22'46,776", khoảng cách là 1000.78m.	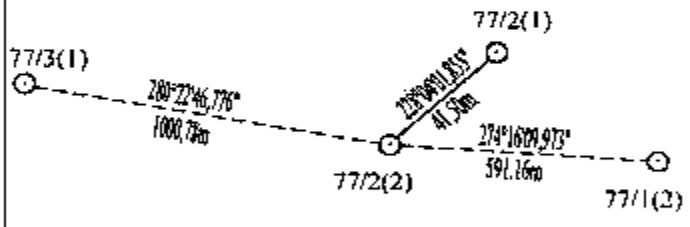		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/3(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 22 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/3(1) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 77/3(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/3(1) và cột mốc số 77/3(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 10,67m.	1312155,54 657599,47	11 51 57,927 106 26 48,790	58,34 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			57,14

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/2(2) đến cột mốc số 77/3(1) là 280°22'46,776", khoảng cách là 1000,78m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/3(1) đến cột mốc số 77/3(2) là 214°12'18,483", khoảng cách là 28,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/3(1) đến cột mốc số 77/4(1) là 197°58'37,943", khoảng cách là 524,08m.	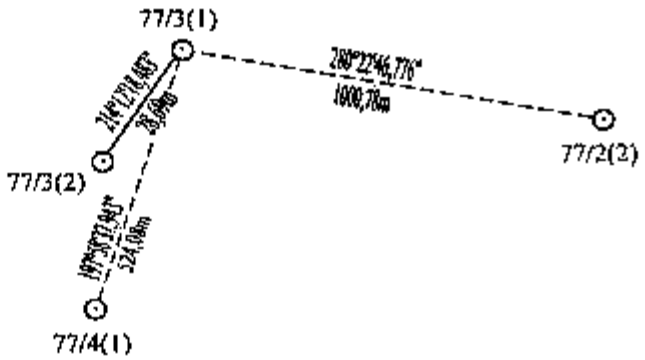

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/3(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/3(2) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 77/3(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/3(2) và cột mốc số 77/3(1) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 18,02m.	1312131,81 657583,34	11 51 57,158 106 26 48,253	58,69 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			57,49

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/2(2) đến cột mốc số 77/3(2) là 278°53'40,116", khoảng cách là 1012,71m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/3(1) đến cột mốc số 77/3(2) là 214°12'18,483", khoảng cách là 28,69m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/3(2) đến cột mốc số 77/4(1) là 197°03'07,207", khoảng cách là 496,59m.	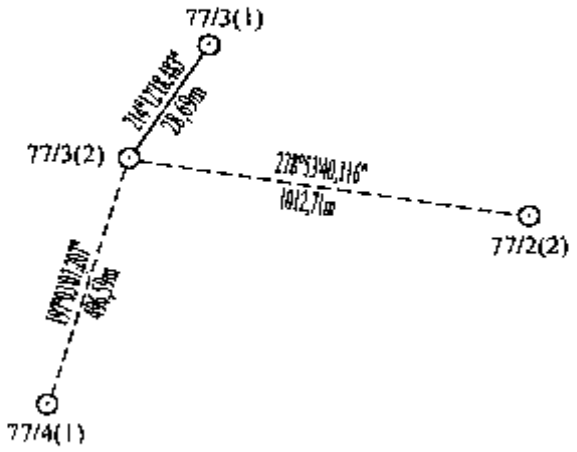

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/4(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/4(1) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 77/4(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/4(1) và cột mốc số 77/4(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 23,22m.	1311657,05 657437,72	11 51 41,731 106 26 43,360	57,35 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			56,15
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/3(2) đến cột mốc số 77/4(1) là 197°03'07,207", khoảng cách là 496,59m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/4(1) đến cột mốc số 77/4(2) là 98°03'22,171", khoảng cách là 46,02m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/4(1) đến cột mốc số 77/5(1) là 230°37'06,412", khoảng cách là 724,06m.	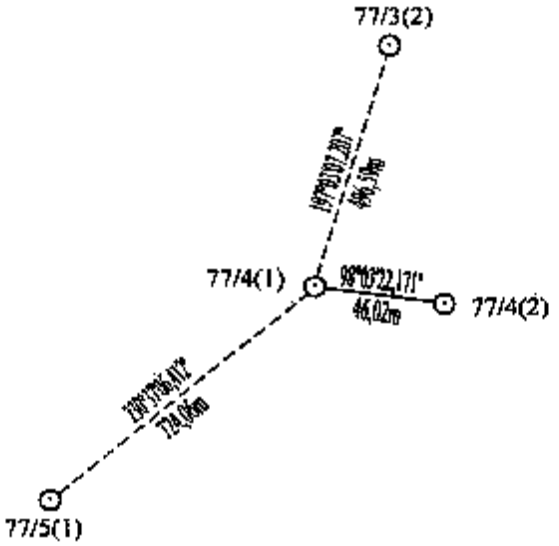		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/4(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/4(2) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 77/4(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/4(2) và cột mốc số 77/4(1) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 22.80m.	1311650,60 657483,29	11 51 41,513 106 26 44,865	57,62 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 56,42

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/3(2) đến cột mốc số 77/4(2) là 191°44'42.816", khoảng cách là 491.50m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/4(1) đến cột mốc số 77/4(2) là 98°03'22.171", khoảng cách là 46.02m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/4(2) đến cột mốc số 77/5(1) là 233°11'19.014", khoảng cách là 755.95m.	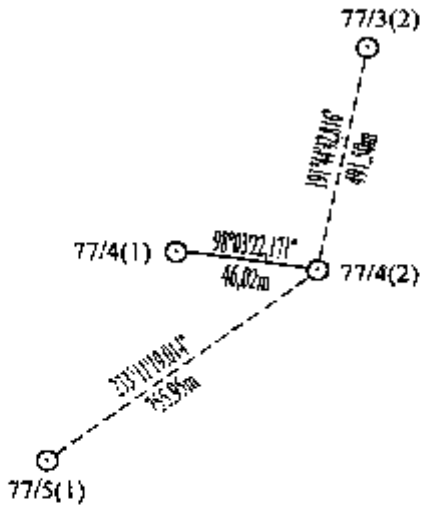

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/5(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/5(1) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 77/5(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 24.11m Khoảng cách từ cột mốc số 77/5(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/5(2) là 25,84m. Khoảng cách từ cột mốc số 77/5(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/5(3) là 24,56m.	1311197,65 656878,07	11 51 26,873 106 26 24,789	56,28 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 55,08

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/4(2) đến cột mốc số 77/5(1) là 233°11'19,014", khoảng cách là 755,95m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(1) đến cột mốc số 77/5(2) là 352°16'26,185", khoảng cách là 40,91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(1) đến cột mốc số 77/5(3) là 34°11'57,194", khoảng cách là 43,70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(2) đến cột mốc số 77/5(3) là 98°19'38,895", khoảng cách là 30,38m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(1) đến cột mốc số 77/6(1) là 199°36'25,156", khoảng cách là 670,66m.	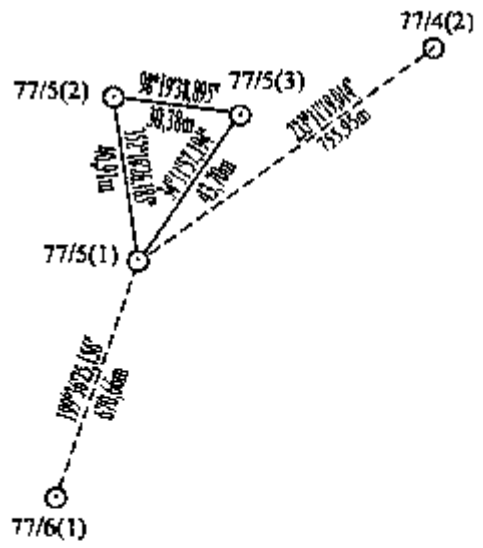

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/5(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/5(2) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 77/5(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 21,87m. Khoảng cách từ cột mốc số 77/5(2) đến đường biên giới theo hướng đường nối liền với cột mốc số 77/5(1) là 15,07m.	1311238,19 656872,57	11 51 28,193 106 26 24,614	56,38 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 55,18

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/4(2) đến cột mốc số 77/5(2) là 235°58'09,973", khoảng cách là 736,93m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(1) đến cột mốc số 77/5(2) là 352°16'26,185", khoảng cách là 40,91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(1) đến cột mốc số 77/5(3) là 34°11'57,194", khoảng cách là 43,70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(2) đến cột mốc số 77/5(3) là 98°19'38,895", khoảng cách là 30,38m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(2) đến cột mốc số 77/6(1) là 198°05'06,005", khoảng cách là 707,25m.	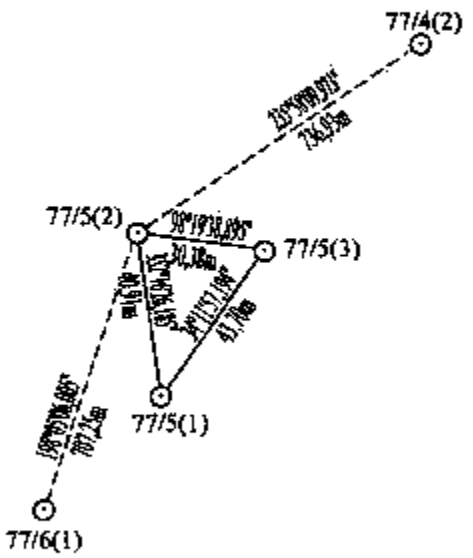

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/5(3)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ: Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ: Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
Cột mốc số 77/5(3) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 77/5(3) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) với trung tuyến dòng chảy suối không tên chảy ra từ lãnh thổ Campuchia là 21,61m Khoảng cách từ cột mốc số 77/5(3) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/5(1) là 19,14m.	1311233,79 656902,63	11 51 28,045 106 26 25,607	56,52 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 55,32

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/4(2) đến cột mốc số 77/5(3) là 234°19'42,301", khoảng cách là 714,77m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(1) đến cột mốc số 77/5(2) là 352°16'26,185", khoảng cách là 40,91m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(1) đến cột mốc số 77/5(3) là 34°11'57,194", khoảng cách là 43,70m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(2) đến cột mốc số 77/5(3) là 98°19'38,895", khoảng cách là 30,38m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(3) đến cột mốc số 77/6(1) là 200°29'29,838", khoảng cách là 713,03m.	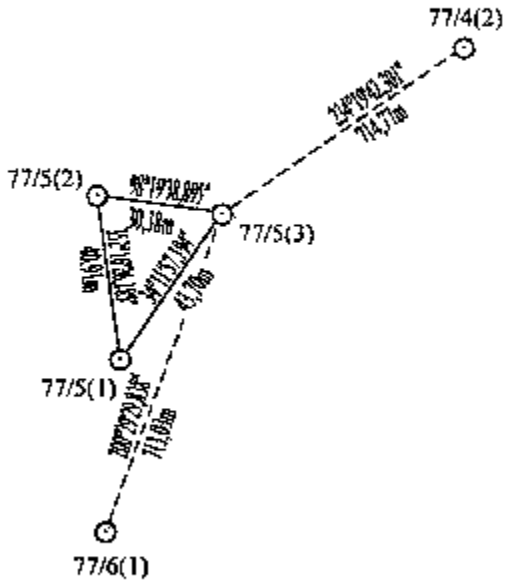

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/6(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 23 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/6(1) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 77/6(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/6(1) và cột mốc số 77/6(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 20,30m.	1310565,88 656653,02	11 51 06,349 106 26 17,245	56,05 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 54,85

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(3) đến cột mốc số 77/6(1) là 200°29'29,838", khoảng cách là 713,03m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/6(1) đến cột mốc số 77/6(2) là 99°58'51,435", khoảng cách là 51,58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/6(1) đến cột mốc số 77/7(1) là 169°01'28,110", khoảng cách là 968,07m.	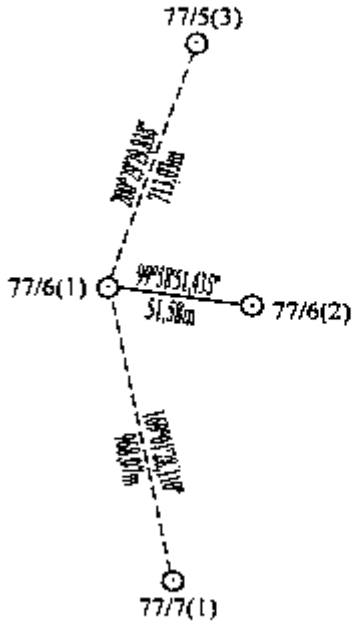

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/6(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/6(2) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 77/6(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/6(2) và cột mốc số 77/6(1) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 31,28m.	1310556,94 656703,82	11 51 06,050 106 26 18,922	55,91 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 54,71
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/5(3) đến cột mốc số 77/6(2) là 196°22'08,423", khoảng cách là 705,44m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/6(1) đến cột mốc số 77/6(2) là 99°58'51,435", khoảng cách là 51,58m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/6(2) đến cột mốc số 77/7(1) là 171°55'41,779", khoảng cách là 950,84m.	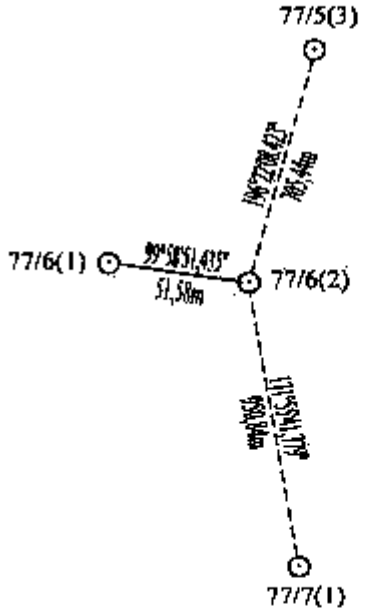		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/7(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/7(1) cắm trên bờ rạch Châm (Tôn Lê Châm) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 77/7(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/7(1) và cột mốc số 77/7(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Châm (Tôn Lê Châm) là 20,63m.	1309615.52 656837.33	11 50 35,388 106 26 23,173	54,84 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 53,64
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/6(2) đến cột mốc số 77/7(1) là 171°55'41,779", khoảng cách là 950.84m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/7(1) đến cột mốc số 77/7(2) là 45°25'35,183", khoảng cách là 56,05m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/7(1) đến cột mốc số 77/8(1) là 169°52'36,290", khoảng cách là 1135.88m.	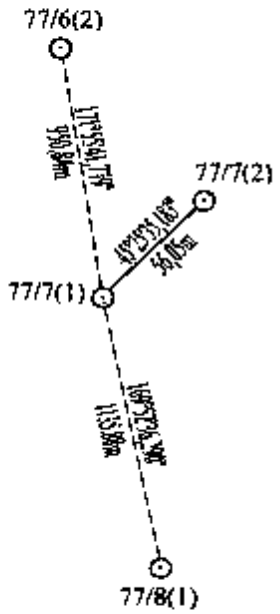		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/7(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/7(2) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chảm) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 77/7(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/7(2) và cột mốc số 77/7(1) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chảm) là 35,42m.	1309654,86 656877,26	11 50 36,661 106 26 24,499	54,27 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			53,07

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/6(2) đến cột mốc số 77/7(2) là 169°07'00,244", khoảng cách là 918,60m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/7(1) đến cột mốc số 77/7(2) là 45°25'35,183", khoảng cách là 56,05m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/7(2) đến cột mốc số 77/8(1) là 172°08'37,701", khoảng cách là 1168,51m.	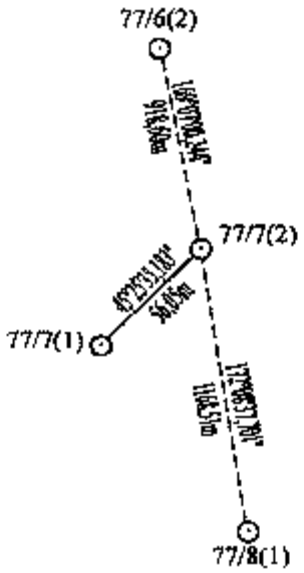

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/8(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 24 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/8(1) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 77/8(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/8(1) và cột mốc số 77/8(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 16.12m.	1308497,32 657036,98	11 49 58,961 106 26 29,579	54,06 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 52,86
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/7(2) đến cột mốc số 77/8(1) là 172°08'37,701", khoảng cách là 1168,51m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/8(1) đến cột mốc số 77/8(2) là 52°06'12,658", khoảng cách là 37,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/8(1) đến cột mốc số 77/9(1) là 133°30'56,237", khoảng cách là 1049,29m.	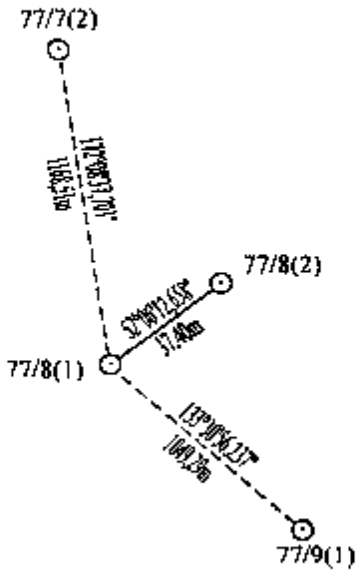		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/8(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/8(2) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 77/8(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/8(2) và cột mốc số 77/8(1) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 21,28m.	1308520,29 657066,49	11 49 59,704 106 26 30,558	52,53 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			51,33
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/7(2) đến cột mốc số 77/8(2) là 170°31'51,761", khoảng cách là 1150,24m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/8(1) đến cột mốc số 77/8(2) là 52°06'12,658", khoảng cách là 37,40m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/8(2) đến cột mốc số 77/9(1) là 135°32'40,803", khoảng cách là 1044,36m.	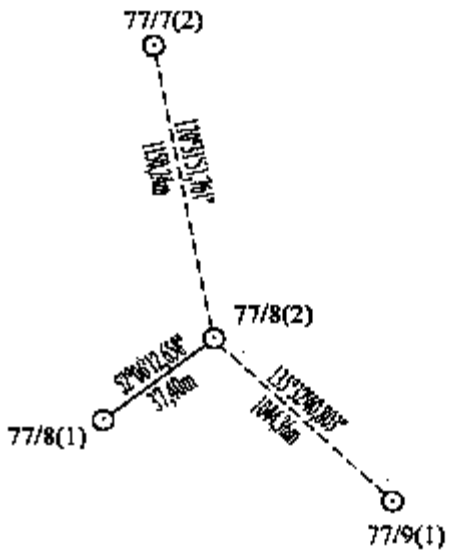		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/9(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 25 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/9(1) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 77/9(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/9(1) và cột mốc số 77/9(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 21,77m.	1307774,83 657797.91	11 49 35,319 106 26 54,596	51,38 (1,20)
			Độ cao mặt đất (m)
			50,18

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/8(2) đến cột mốc số 77/9(1) là 135°32'40,803", khoảng cách là 1044,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/9(1) đến cột mốc số 77/9(2) là 70°20'39,070", khoảng cách là 38,74m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/9(1) đến cột mốc số 77/10(1) là 194°38'50,964", khoảng cách là 383,99m.	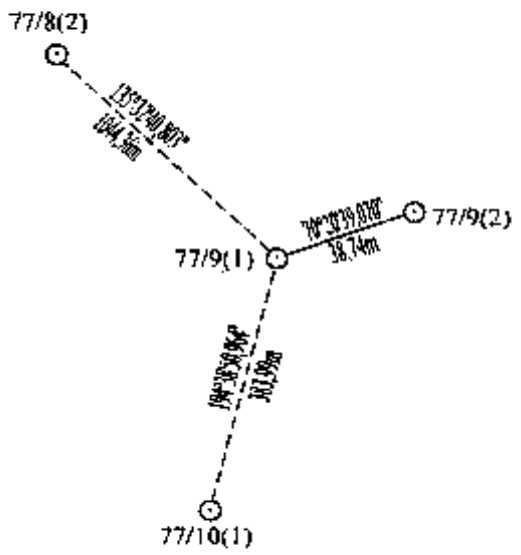

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/9(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/9(2) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 77/9(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/9(2) và cột mốc số 77/9(1) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 16,97m.	1307787,86 657834,39	11 49 35,737 106 26 55,804	52,23 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 51,03

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/8(2) đến cột mốc số 77/9(2) là 133°38'44,506", khoảng cách là 1061,19m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/9(1) đến cột mốc số 77/9(2) là 70°20'39,070", khoảng cách là 38,74m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/9(2) đến cột mốc số 77/10(1) là 199°09'21,616", khoảng cách là 407,08m.	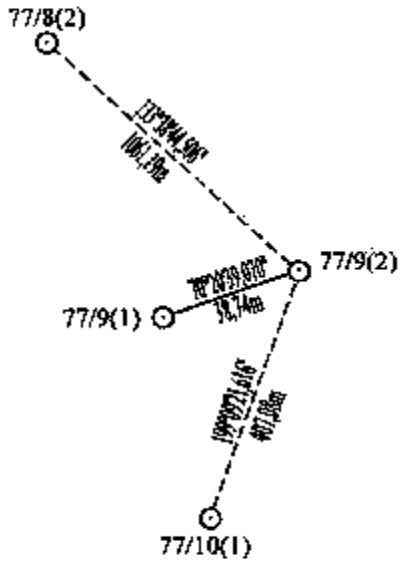

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/10(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 6 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/10(1) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 77/10(1) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/10(1) và cột mốc số 77/10(2) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 23,00m.	1307403,32 657700,81	11 49 23,244 106 26 51,324	51,35 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 50,15
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/9(2) đến cột mốc số 77/10(1) là 199°09'21.616", khoảng cách là 407,08m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/10(1) đến cột mốc số 77/10(2) là 114°52'55,797", khoảng cách là 41,88m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/10(1) đến cột mốc số 77/11(1) là 222°14'10,784", khoảng cách là 479,70m.	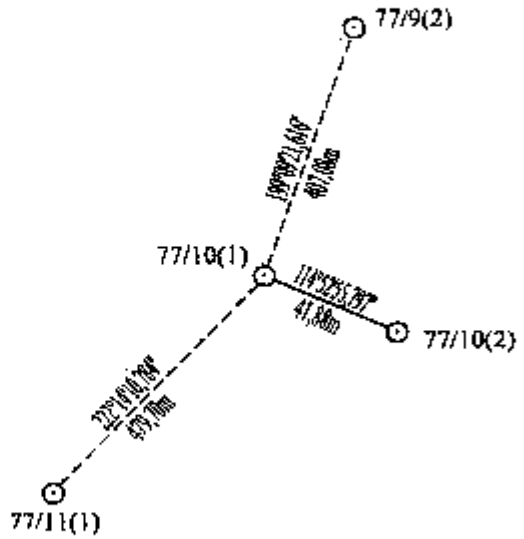		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/10(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc	
Mốc đôi cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 28 tháng 3 năm 2017	
Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/10(2) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 77/10(2) đến giao điểm của đoạn thẳng nối liền cột mốc số 77/10(2) và cột mốc số 77/10(1) với trung tuyến dòng chảy của rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) là 18,88m.	1307385,70 657738,80	11 49 22,664 106 26 52,576	52,37 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 51,17
Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc		
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/9(2) đến cột mốc số 77/10(2) là 193°22'14,169", khoảng cách là 413,36m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/10(1) đến cột mốc số 77/10(2) là 114°52'55,797", khoảng cách là 41,88m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/10(2) đến cột mốc số 77/11(1) là 226°52'44,908", khoảng cách là 493,81m.	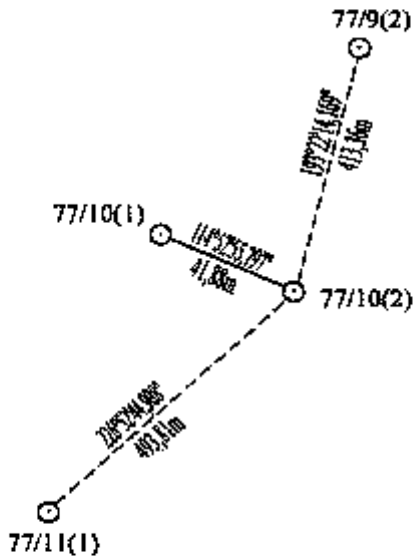		

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/11(1)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 26 tháng 6 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ: Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ: Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
Cột mốc số 77/11(1) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Campuchia. Khoảng cách từ cột mốc số 77/11(1) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) với trung tuyến dòng chảy suối Prek Ta Pek chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 25,22m Khoảng cách từ cột mốc số 77/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/11(2) là 24,31m. Khoảng cách từ cột mốc số 77/11(1) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/11(3) là 24,01m.	1307048,16 657378,36	11 49 11,739 106 26 40, 611	51,53 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 50,33

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/10(2) đến cột mốc số 77/11(1) là 226°52'44.908", khoảng cách là 493,81m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/11(1) đến cột mốc số 77/11(2) là 44°20'37,648", khoảng cách là 51,86m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/11(1) đến cột mốc số 77/11(3) là 77°59'40,888", khoảng cách là 48,32m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/11(2) đến cột mốc số 77/11(3) là 157°50'42,350", khoảng cách là 29,20m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/11(1) đến cột mốc số 77/12(1) là 210°17'12,233", khoảng cách là 594,93m.	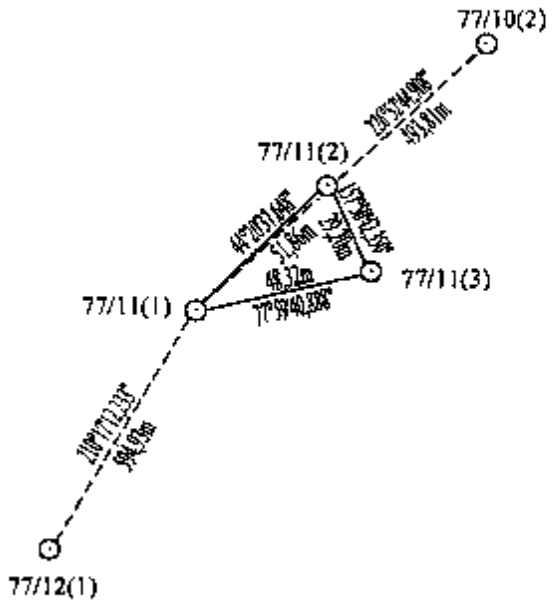

BẢNG ĐĂNG KÝ CỘT MỐC SỐ 77/11(2)

Loại hình mốc	Vật liệu làm mốc	Thời gian cắm mốc
Mốc ba cùng số	Bê tông cốt thép	Ngày 29 tháng 3 năm 2017

Vị trí mốc	Toạ độ		Độ cao (Chiều cao mốc) (m)
	Toạ độ vuông góc X(m) Y(m)	Toạ độ địa lý B(° ' ") L(° ' ")	
Cột mốc số 77/11(2) cắm trên bờ rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) phía Việt Nam. Khoảng cách từ cột mốc số 77/11(2) đến giao điểm giữa trung tuyến dòng chảy rạch Chàm (Tôn Lê Chàm) với trung tuyến dòng chảy suối Prek Ta Pek chảy ra từ lãnh thổ Việt Nam là 26,99m Khoảng cách từ cột mốc số 77/11(2) đến đường biên giới theo hướng đường thẳng nối liền với cột mốc số 77/11(1) là 27,55m.	1307085,25 657414,61	11 49 12,940 106 26 41,815	50,93 (1,20) Độ cao mặt đất (m) 49,73

Vị trí và khoảng cách giữa các mốc	Sơ đồ vị trí mốc
Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/10(2) đến cột mốc số 77/11(2) là 227°10'35,507", khoảng cách là 442,01m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/11(1) đến cột mốc số 77/11(2) là 44°20'37,648", khoảng cách là 51,86m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/11(1) đến cột mốc số 77/11(3) là 77°59'40,888", khoảng cách là 48,32m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/11(2) đến cột mốc số 77/11(3) là 157°50'42,350", khoảng cách là 29,20m. Góc phương vị tọa độ cột mốc số 77/11(2) đến cột mốc số 77/12(1) là 211°24'18,560", khoảng cách là 645,36m.	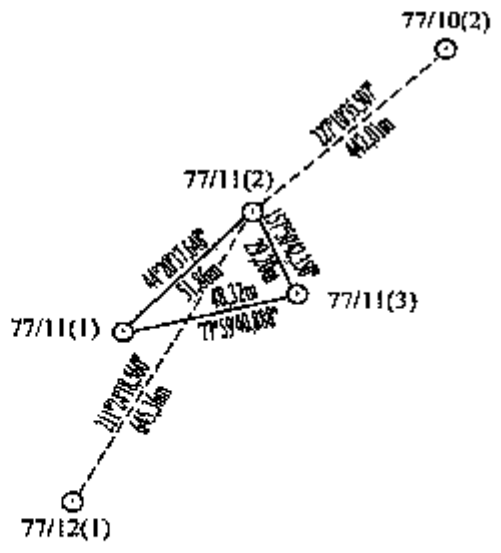

805

(Xem tiếp Công báo số 175 + 176)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng